Năm thứ nhất.— Số 11 Thứ sáu, 22 Août 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY:

Từ việc dùng danh-từ mới đến sự tiến-hóa của việt-ngữ — *Lê-Thanh*
Một người Pháp làm vua xứ mọi — *Liên-Giang*
Thành Thăng-long với cuộc đổi thay (II) — *Trần-huy-Bá*
Phê-bình « Chồng con » — *Nhân-Nghĩa*
Nguyễn-Hoàng-Đức — *Nguyễn-Triệu*
Hợp-ước tương-trợ Pháp, Nhật về việc phòng-thủ Đông-dương — *Nhật-Nham*
Chúa Võ-vương nhà Nguyễn trong mắt một sứ-giả Pháp — *Tiên-Đàm*
Nguồn gốc của mỹ-thuật — *Lê-Tảo*
Tiểu thuyết « Bà Quận Mỹ » (X) — *Chu-Thiên*
Nhà đại văn-hào ấn-độ mới qua đời : R. Tagore — *Nhân-Nghĩa*
Thơ Bạch-Cư-Dị — *Hoa-Bằng*
Tạp trở, Tùy hứng, vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Từ việc dùng những danh-từ mới đến sự tiến-hóa của việt-ngữ

Lê-Thanh

SỰ tiến-hóa của học-thuật nước ta bắt-buộc ta phải có nhiều danh-từ mới làm dụng-cụ chở những tư-tưởng mới. Có lẽ sự « phải có » ấy đã làm cho những bực tiền-bối của chúng ta nhiều khi phải dịch liều một tiếng ngoại-quốc nào, hoặc « chế » ra một tiếng mới để dùng tạm cho thời bấy giờ.

Đối với những tiếng đã bị dịch hoặc chế-tạo ra một cách vội vàng như vậy, bây giờ ta phải ôn lại nghĩa của nó. Nếu chưa được xứng đáng với việc hoặc vật ta muốn chỉ, ta phải thay ngay bằng một tiếng khác đúng hơn.

Trong Tri-Tân số 9, ông bạn Hoa-Bằng có nói đến việc dịch tiếng *grammaire* của tôi. Đó cũng chỉ là việc ôn lại nghĩa một chữ mà thôi.

Còn nhớ khi tôi còn học ở một trường nhỏ ở thôn-quê, tôi vẫn thấy thày giáo gọi cuốn *grammaire* là cuốn *mẹo*. Tôi đã tự-nhiên gọi theo là cuốn mẹo, không hề tự hỏi tại sao người ta lại gọi nó là cuốn *mẹo*.

Đến khi học đến một lớp trên trường Cao-đẳng tiểu-học, tôi bị ông Đốc trường ấy, một người pháp, nhờ dạy tiếng việt-nam.

Một hôm, tôi phải dịch tiếng *grammaire* cho ông. Dĩ-nhiên, tôi dịch là *meo*. Ông mỉm cười hỏi :

C'est-à-dire *truc* (nghĩa là *truc*)? (1)

Tôi đanh bạo : « Phải, *mẹo* nghĩa là *grammaire*, lại có nghĩa là *truc* nữa » Rồi tôi thêm « D'ailleurs pour nous, la grammaire est l'ensemble de *petits trucs* qui aident à bien parler et écrire notre langue ».

Ông cười to làm cho tôi bối-rối. Tôi không nhớ rõ cảm-tưởng của tôi lúc bấy giờ, không biết tôi đã hối-hận vì nói liều một câu mà mình không chắc có đúng không hay là mình đã hồ-thẹn vì tiếng nước mình không có một văn-pháp có những qui-tắc chặt-chẽ, mà chỉ có những *mẹo nhỏ* giúp mình viết cho đúng tiếng của mình mà thôi.

Bây giờ có lẽ thấy danh-từ « mẹo » ấy không được xứng-đáng với khoa-học này, nên nhiều nhà văn, nhà báo ta đã đem danh-từ *văn-pháp* của Tàu thay vào. Tiếng ấy đã được thấy trong những cuốn từ-điển của Cordier, Đào-duy-Anh và trên báo-chí ta cũng thường thấy các nhà văn, nhà báo đem ứng dụng.

Nhưng phải công nhận rằng danh-từ ấy được phổ-thông lắm. Các ông Lê-Thước và Nguyễn-hiệt-Chi còn đầu đề cuốn sách của các ông : « *Mẹo tiếng nam* ». Trong bộ từ-điển của Cordier, bên tiếng *văn-pháp* vẫn còn tiếng *mẹo*.

Tiếng ấy ngày nay chưa thể bỏ mà không dùng, vì người ta đã quen với nó lắm rồi ; nói câu văn này đúng « mẹo » vẫn dễ hiểu hơn là câu văn đúng « văn-pháp » hơn. Tuy vậy, vì tương lai, ta nên thay dần tiếng ấy bằng tiếng khác ; biết đâu sau này tiếng « mẹo », vì tự nhận mình không hợp thời nữa, chẳng nhường chỗ cho một tiếng khác để riêng cho mình cái địa-vị một tiếng « lịch-sử » mà thôi.

Nhưng ta có nên dùng danh-từ « văn-pháp » để dịch *grammaire* không ? « Văn-pháp » là một « danh từ » mượn của Tàu. Không một bộ pháp-hoa từ-điển nào mà tiếng *grammaire* không được dịch là « *văn-pháp* ».

Các nhà soạn từ điển ta lấy nó chỉ *grammaire*, tưởng đã là chí lý lắm.

Nhưng ta hãy ôn lại giá-trị từng phần-tử của danh-từ ấy :

Văn pháp = văn + pháp

= *phép* làm văn hay hơn nữa *luật* làm văn.

Chỉ mới chia danh-từ ấy ra, trông thấy giá-trị của từng phần-tử một, ta đã không muốn đem nó để dịch tiếng *grammaire* rồi.

Grammaire của Pháp, *theo nghĩa ngày nay*, không phải chỉ là một thuật giúp người ta viết văn cho đúng, mà là một khoa-học rất rộng nghiên-cứu về những tài-liệu xây thành một từ-ngữ ; những tài-liệu ấy là *âm-thanh* (phonétique), *hình-thể từ* (morphologie), *giá-trị và sự thay đổi của mỗi từ* (fonction) và sau cùng *qui luật làm văn* (syntaxe)

Danh-từ « *văn-pháp* » của Tàu chỉ có nghĩa *syntaxe* của Pháp ngày nay mà thôi.

Sở-dĩ Tàu đã dùng danh-từ ấy, là vì thật ra, Tàu không có một *grammaire* trơn, nghĩa là một khoa-học nghiên-cứu về ngôn-ngữ,

(1) *Tôi cũng biết chữ « mẹo » có thể ở « mẹo mực », nhưng ở tiếng ghép này cái nghĩa cũng không được đẹp lắm.*

từ chương, mà chỉ có một qui-tắc làm văn (*règles syntaxiques*) thôi.

Vì ta hi-vọng quyển *grammaire* của ta sau này sẽ không có riêng những qui-tắc làm văn mà có cả phần khảo-cứu về âm-thanh, thể-từ...,nên ta không nên dùng *văn-pháp* để dịch *grammaire* ; ta sẽ dùng nó để dịch *syntaxe*.

Còn *grammaire* ?

Căn-cứ vào những lời bàn trên, tôi nghĩ đến việc đem tiếng *ngữ* thay cho tiếng *văn* : tôi có *ngữ-pháp*.

Nhưng, để ý ôn lại giá-trị của tiếng « pháp », tôi nhận danh-từ *ngữ-pháp* với một sự bất-mãn. Vẫn biết chữ *pháp* của Tàu có nghĩa là *phép*, là *qui-tắc*, nhưng nghĩa nó xa « *qui-tắc* » (règle) hơn là *luật* (loi) = luật-pháp.

Sự phân-biệt ấy đưa ta đi tìm một tiếng gì có nghĩa gần « *qui-tắc* » hơn là *luật* (luật là cái gì cũng nhất-nhất buộc phải thẽo đúng, không được trừ ra..., mà những « luật » về từ ngữ có buộc thế bao giờ đâu).

Và tôi đã tìm đến hai tiếng *ngữ-phạm*.

Việc làm giầu tiếng ta bằng cách dịch những tiếng ngoại quốc đã có người chủ-trương rằng nên dịch theo âm những chữ khó, thí dụ như tiếng «*inspiration*».

Từ trước tôi đã thấy người ta theo Lương-Khải-Siêu bên Tàu mà dịch âm tiếng inspiration ra tiếng hán-việt là *yên-sĩ phi-lý-thuần* (1). Bây giờ tiếng này đã phổ-thông lắm. Nhưng không phải là một cớ để ta giữ nó mãi mãi. Vì một lẽ là ta có thể tìm được một tiếng khác có giá-trị về phương-diện từ ngữ hơn : *cảm-hứng*.

Inspiration nói về thi-ca là gì, tức là một *cảm-xúc* về thơ — une émotion poétique — hơn nữa một *cảm* xúc nó làm cho nhà thi-sĩ có *hứng* thú làm thơ.

Giải như vậy, tôi tưởng có đem tiếng đôi *cảm-hứng* dịch tiếng *inspiration* thì không có là đáng dị-nghị cả.

Tôi không hiểu vì lẽ gì từ trước người ta lại không dịch như vậy.

Tôi đã được thấy trong kho sách mà hiện nay ta có thể có : cuốn « Vocabulaires français chinois des sciences politiques et morales » (pháp-hoa chuyên-môn từ-điển) của J Médar xuất bản ở Tsien sin, trong ấy ta có thể có đủ những tiếng dùng trong những khoa-học : Triết-lý, xã-hội, tín-ngưỡng, luật-pháp, văn-chương, sử-ký, địa-dư, ngữ-phạm, tài-chính, kế-toán, chính-trị, binh-bị, v. v.

Nếu bây giờ có thể xin phép tác-giả dịch nguyên âm những chữ tàu trong quyển ấy ra, ta có thể nói là ta có một bộ pháp-việt chuyên-môn từ-điển rất cần cho xứ sở.

Đã lâu tôi được nghe nói ông Lã-vĩnh-Lợi, tác giả cuốn «Việt-nam chính-tả tự-vị» đã định theo cuốn ấy soạn một cuốn tương tự, nhưng nay chưa thấy cuốn sách xuất bản. Ông đã gặp nhiều nỗi khó khăn chăng ?

Tôi tưởng công việc ấy phải được một nhóm người đứng lên làm, không phải chỉ dịch bằng những tiếng tàu mà phải ôn lại nghĩa của mỗi tiếng. Tiếng tàu chưa có thì phải mượn của Nhật, hoặc giải quyết bằng một cách khác để ta có những tiếng ta phải có, dù bằng một cách nào.

Khi tôi ở Saigon có một lần được nghe một người ngoại quốc diễn-thuyết về một vấn đề gì tôi không nhớ, chỉ nhớ rằng trong bài diễn-thuyết có nhắc đến thanh niên ta.

Đại khái người ấy nói rằng : thanh niên việt-nam có làm việc cho văn-chương của họ nhưng họ đã làm những việc gì ?

Họ soạn những tập thơ, viết những tập tiểu-thuyết, mà những vai chủ động là những mối tình vơ-vẩn có cái đặc tính có thể làm cho cái tinh thần của thanh niên đã bạc nhược lại bạc nhược thêm. Vả họ chỉ làm có thế. Một ngày, họ có xách cái xe đạp (1) ra một cái hiệu nhỏ để chữa,họ đã không đủ tiếng để dùng, và phải mượn đến tiếng pháp rồi !

Tôi tưởng lời cảnh tỉnh ấy ai là người có tâm huyết đối với tiếng việt-nam được nghe lất phải suy nghĩ, ghi sâu vào trí nhớ để làm phương tiện khuyến khích mình trong việc phụng sự quốc-văn.

LÊ THANH

(1) *Có người gọi tắt là « yên-sĩ ».*

Diễn-từ của Thống-chế Pétain (1)

XƯA nay những bậc danh tướng có mấy khi «hẹn đến bạc đầu»(2).

Thống chế Pétain là bậc danh tướng, tuổi ngoại bát tuần, đã đứng ra cải-tạo nước Pháp, đã đề-xướng lên chủ-nghĩa « cần-lao, gia-đình, tổ quốc ».

Mấy bài diễn từ, tuyên-ngôn của Thống-chế có thể gọi là cuốn cẩm-nang của cả một dân-tộc. Đọc những áng văn hùng-hồn, đanh thép ấy, ai ai cũng hưng-khởi mà tin ở vận mệnh quốc-gia và tiền-đồ của nước Pháp

Sau khi tổ-chức tuần lễ Pháp quốc hải-ngoại, tập diễn-từ của Thống-chế được đem ra xuất-bản phiên-dịch để hai dân tộc Pháp, Nam cùng đọc để cộng tác mà gây tình đoàn-thể cho Đế-quốc Đại-pháp ở hải ngoại.

Tri-Tân xin giới thiệu với các bạn độc giả tập diễn-từ ấy.

(1) Sách in giấy đẹp do phòng báo-chí xuất bản. Bản chí xin trân-trọng cảm tạ ông Huyện Lê Tài-Trường đã gửi cho

(2) Thơ cổ
Giai nhân tự cổ như danh tướng,
Bất hứa nhân-gian kiến bạch đầu.

Một chuyện lạ ở quốc-sử cận-đại:

Một người pháp làm vua xứ mọi

Liên - Giang

NHỮNG nhà sử - học phần nhiều chỉ biết có người pháp ang làm quan bên nước ta, như Despieux, Vannier, làm cận thần cho vua Gia-Long; người đức sang làm quan bên nước Tàu, như Adam Schall, làm ở Khâm-thiên-giám cho vua Khang-Hy. Ít nhà đã rõ có một người pháp đã từng bước chân sang đất Đông-dương này, tự tôn làm vua ở xứ mọi, được một thời kỳ, trên chốn cao nguyên ở phía nam Trung kỳ.

Chuyện kể ra cũng lý-thu, tựa như một chuyện phiêu-lưu, nhưng chuyện đó có thực. Ai vào Huế, đến tham nhà bảo-tàng Khải-Định, có thấy bức ảnh một người tây, dưới cằm hai chòm râu bạc, bận quốc-vương-phục phương tây, tay phải cầm mũ, tay trái cầm một binh-khí xứ mọi gài vào thắt lưng, ấy chính là vị chủ-động bài này, tức là vua Nam bàn xứ mọi.

Xứ cao nguyên này, theo Hoàng-Việt Địa-Dư chí, thì là một nước mọi, gọi là nước Nam bàn Theo địa-dư bây giờ, thì địa-giới chu-vi thuộc cả về tỉnh-lỵ Kontum cai quản

Toàn hạt có nhiều giống mọi khác nhau, Sê-đăng, Bà-nam, Bi, Thồ-ma, Ra-đê, vân vân. Trong từng ấy giống, duy có giống Sê-đang là đông hơn, thường có hop phiên chợ để giao-thiệp đổi-trác với người việt-nam.

Vào khoảng niên - hiệu Đồng - Khánh thứ ba (1888), có một người pháp tên là David de Mayrena, quê ở Toulon, tiến vào xứ Nam-bàn, tự xưng là vua dân mọi Sê-đang, lấy vương hiệu là Marie 1er, đặt quan, chia chức, ban bố luật-lệ

Nguyên xuất thân ở đội hải-quân pháp, sau theo đạo binh khai thuộc-địa, ông được làm lữ-trưởng, vào tiến công xứ Nam-kỳ. Hồi chiến tranh năm 1870 ở Pháp, ông đã có quân-công, lên chức đại úy ở tuần t ễu-đội, nhân thế, có bội-tinh Bắc-Đẩu.

Ông cưới vợ xong, xoay đủ nghề nào làm báo, nào làm thầy ký ở các công sở. Lại có gan lập một nhà ngân-hàng. Kế phá sản, liền bỏ đi hải-ngoại tìm sự-nghiệp ở Nam-dương quần-đảo. Chẳng bao lâu, lại trở về Pháp, vận-động thế nào lại được nhà nước sai luôn đi công cán xứ ấy. Nhưng, khi đến Sài-gon, ông bèn ở liền tại đó, không qua xứ Sumatra nữa

Ở lại tỉnh Sài-gòn, ông liền tổ-chức những công-cuộc khai-khẩn xứ Nam-kỳ, như tìm nhựa cây, mỏ vàng, và các hàng hóa thuộc-địa. Đã có một vài lần có sự lôi thôi với chính-phủ Nam-kỳ, sau lại được chính-phủ giao cho việc đi công-cán ở nội-địa xứ mọi. Chẳng qua bởi khó chịu về ông, nên chính-phủ kiếm cách xa ông ra.

Tưởng rằng xa ông ra như thế, thì đỡ lắm chuyện phiền cho chính-phủ, không ngờ ông đi, lại sinh ra nhiều việc thôi-thôi hơn.

Dân xứ mọi vốn ghét những người lạ, thường tìm cách xua đuổi những người ngoài lọt vào thung-lũng họ. Đối với người việt-nam, người lào, người cao-miên cũng vậy, họ không ưa ai cả, nên không muốn cho ở gần họ. Chỗ cao-nguyên họ ở, chung quanh bao bọc những dẫy núi cao, lại có tiếng ma thiêng nước độc. Vì thế ở riêng một khu-vũ, dân họ tự cai trị lấy nhau. Có giao-thiệp với ngoài, chỉ hạn chế trong sự đổi thóc gạo, vàng, ngà voi, hạt tiêu, mật ong lấy muối và vải mà thôi.

Khi David de Mayrena vào tham xứ này, thì chính phủ Pháp mới lập xong công cuộc chính-trị hợp nhất xứ Đông - dương được một năm. Tuy xứ Nam kỳ bấy giờ đã là nhương địa được 20 năm rồi, nhưng cuộc bảo-hộ nước ta và Cao-miên vừa thiết lập xong, nên chính-sách cai trị hãy còn dụt dè, chưa phổ-cập tới đất xứ mọi.

Vua nước Xiêm khi ấy, thừa cơ cũng đòi thung-lũng dân mọi về quyền cai-trị của mình. Vua Xiêm tự nhận là vua của giống thái, sai sứ sang Lào và các miền dân thổ thuộc về quyền nước ta.

Sứ-mịnh Pavie sắp được cử đi để tranh biện về việc đó, thì chẳng bao lâu, xảy ra việc tàn sát người pháp và việc rắc-rối ở Bangkok. Chính-phủ Pháp, không dụt-dè nữa, l ền thi-hành nốt cuộc bảo-hộ nước Lào. Vậy cuộc công-cán của De Mayrena này là để tìm một đường nối liền từ nội-địa xứ Trung-kỳ với lưu-vực sông Mékong

Việc đi viễn-lược này phải cầu đến những vị cố đạo giúp sức để tìm cách thân-thiện với những tù-trưởng mọi. Có giao-hảo được với họ, thì ảnh-hưởng của nước Bảo-hộ mới lọt đến những miền xa-xôi này Nhưng việc giao-thiệp phải rất khôn-khéo, để cho nước Xiêm khỏi ngờ-vực, vì nước Xiêm khi ấy, có nước Anh chủ trương ở trong.

De Mayrena đã được thụ ý rằng, khi vào đến xứ mọi, phải kíp gửi cho đại-biểu việt-nam sang dự cuộc triển-lãm ở Paris những thổ-sản, khoáng-sản và các động-vật ở xứ mọi cùng những vật-dụng có quan hệ đến phong-tục ở xứ ấy.

Như trên đã nói, dân mọi không ưa người nước ngoài. Nhưng duy có các cố đạo ở Kontum là vào lot được giữa chỗ họ ở mà thôi. Vì câu chuyện tàn sát dân cơ-đốc và việc khởi-nghĩa của đảng văn-thân ở Trung-kỳ vào giữa năm vua Hàm-Nghi lên ngôi (1885), nên các nhà giảng đạo trốn tránh vào đất mọi nhiều lắm. Lúc đầu, họ còn giam lỏng các nhà truyền giáo vào một nơi độ hai năm, không cho giao-thông với ngoài. Sau, họ hiểu câu chuyện các nhà ấy bị dân mình hà-hiếp, sau bụng ghét người mình nên họ đổi cách đối-đãi. Bởi vậy, những nhà truyền-giáo dần dần gây được lòng tin yêu của họ.

xem tiếp trang 21

THÀNH THĂNG - LONG
với cuộc đổi thay
(Có kèm bản đồ để tiện kê cứu)

Số 2

Biệt Lam TRẦN HUY BÁ

Thăng-long dưới triều Trần

NĂM Canh-dần (1230) đời vua Thái-tông nhà Trần, có đắp lại thành Thăng-long và lập ra hai cung : Cung Thánh-từ để Thượng-hoàng ngự ; cung Quan-triều để Hoàng-đế ngự

Năm Quý-mão (1243) Thiên-ứng Chính-bình thứ 12, lập ra thành Long-phụng.

Vị-trí thành Thăng-long đời Lê Hồng-Đức

Năm Mậu-thân (1428) đời Lê Thái-tổ, Thuận-thiên năm đầu, lập ra điện Kinh-thiên ở giữa đỉnh núi Nùng-sơn (hoặc gọi là núi Long-độ), điện Vạn-thọ và điện Cần-chính (xem lại bản-đồ số 1 đăng ở T. T. số 10).

Năm Ất-dậu (1465) đời Lê Thánh tông, Quang-thuận thứ sáu, sửa lại điện Kinh-thiên, và lập ra điện Cần-đức

Năm Đinh-dậu (1477) Hồng-đức thứ tám, đắp lại thành Thăng-long theo vị-trí như sau này : phía nam tới đền Văn-miếu, phía bắc đến sông Tô lịch (tức phố Tô-lịch bây

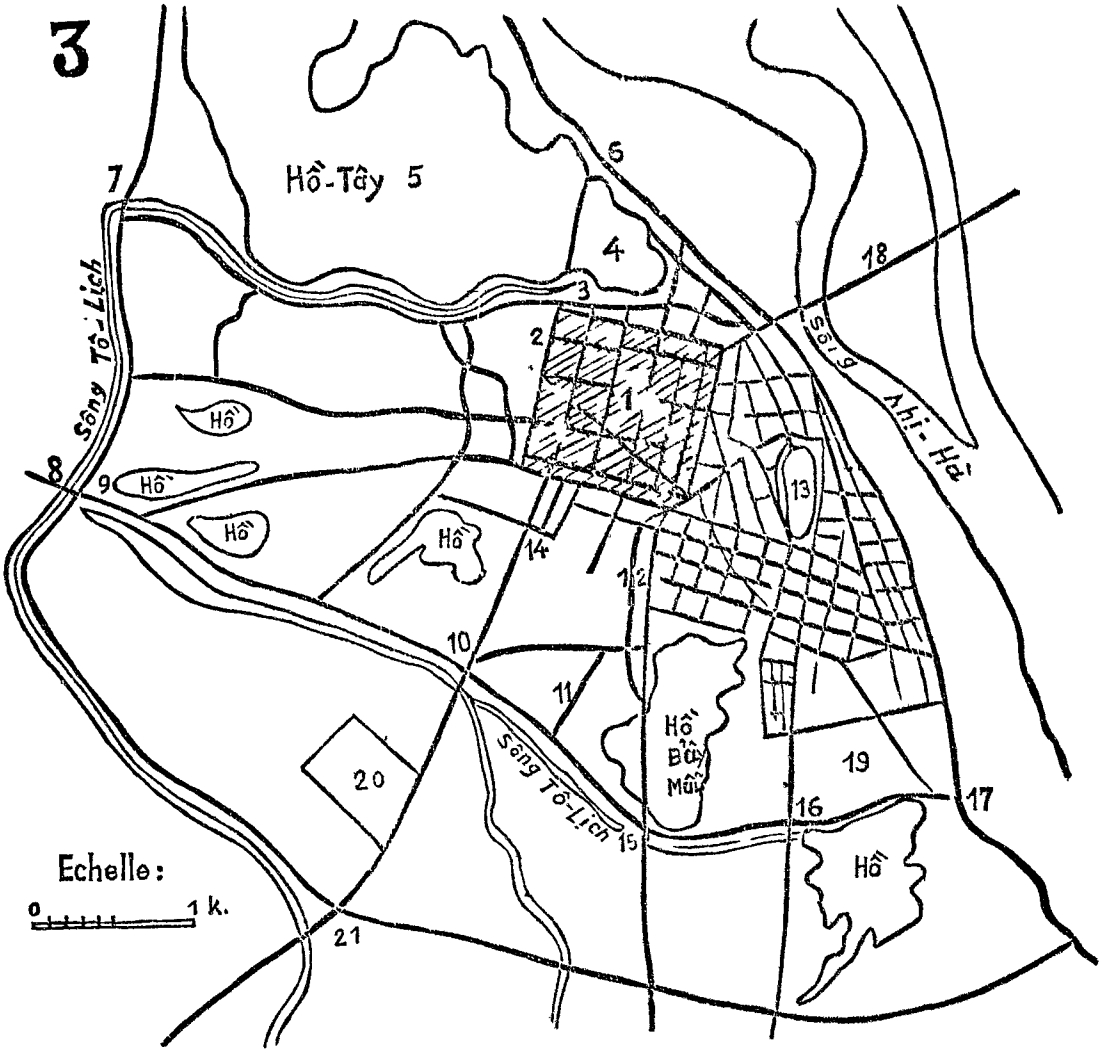

Bản đồ số 3. — 1 Thành cũ Hà-nội 2 Phủ Toàn-quyền. 3 Đền Trấn-vũ. 4 Hồ Trúc-bạch. 5 Hồ Tây. 6 Ô Yên-phụ. 7 Ô Yên-thái. 8 Ô Cầu-giấy. 9 Đền Linh-Lang. 10 Ô chợ-Dừa. 11 Phủ chúa Trịnh. 12 Nhà gare. 13 Hồ Hoàn - kiếm. 14 Đền Văn - miếu. 15 Ô Đồng - lầm. 16 Ô Cầu-đền 17 Ô Đống - mác. 18 Cầu Doumer. 19 Đền Hai Bà. 20 Ấp Thái hà. 21 Ngã tư sở.

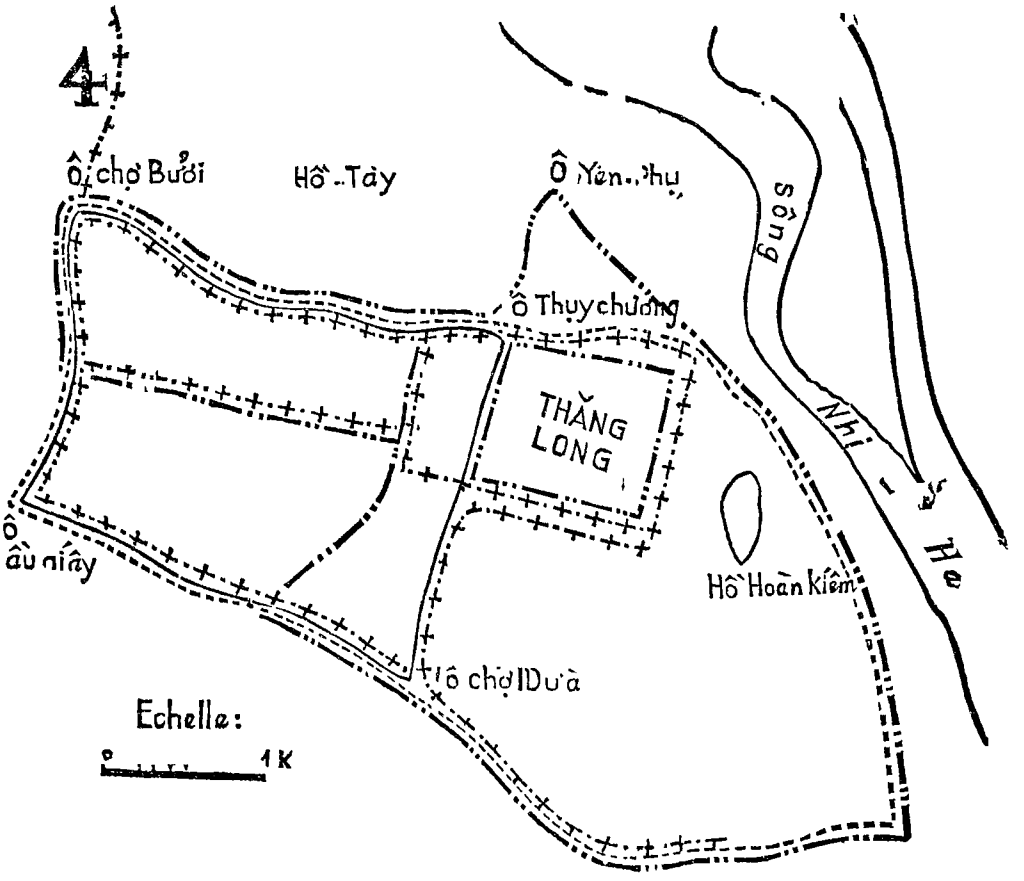

(1) ——— Phòng đoán La-thành của Trương-Bá-Nghi đắp năm 767 (xem thêm Nước Nam số 65).
(2) ..... Phòng đoán La-thành của Cao-Biền năm 866.
(3) +.+.+. Đại-la thành về đời Lý, Trần, Lê (1009 — 1788).
(4) . . — . . — Đại-la-thành về hồi Tự-đức (1848 — 1883).

giờ), phía đông từ làng Đức môn tổng Đồng-xuân (phố cửa Đông bây giờ), phía tây khởi từ làng Nhật-chiêu.

Năm Hồng thuận (1509) đời Tương dực đế, xây thành bao vây cả sông Tô-lịch. Nam sau, lại xây bao cả đền Trấc-vũ, phường Thiên hoa và phường Kim-cổ để làm thành, rộng hơn nghìn trượng Từ phía đông đến phía tây-bắc, qua cả sông Tô-lịch, trên đắp làm hoàng thành, dưới để làm ngòi dẫn thủy, có thể chở được thuyền bè.

Năm Nhâm-thân (1512), Hồng-thuận thứ tư, lập ra Cửu trùng đài.

Đời Mạc đắp thành Đại-la làm ba tầng lũy

Năm Đoan-thái (1586-1587) nhà Mạc đắp lại thành Đại la ra ba tầng lũy. Công việc vĩ-đại, làm ngót một năm mới xong. Bắt đầu từ Nhật-chiêu, Tây hồ đến cầu Dừa, cầu Dền, xuốt sông Nhị-hà qua địa phận Thanh-trì về phía tây-bắc, cao hơn thành Thăng-long đến vài trượng, rộng hai mươi nhăm trượng. Đến khi Mạc Mậu-Hợp bỏ thành chạy, chúa Trịnh-Tùng cho san phẳng, thành bình-địa đến vài nghìn trượng.

Đời Lê Trung-hưng, Thăng-long được đắp lại ngoại-thành

Năm Ất-dậu (1585) Quang-hưng thứ tám, đắp lại thành Thăng-long.

Năm Kỷ-tỵ (1749), Cảnh-hưng thứ mười, thấy chốn kinh-thành là nơi trọng-yếu, mà hào lũy bao bọc đã bị san phẳng, không lấy gì che-chở cho nội-thành được, các nhà cầm quyền bấy giờ bèn nhân vết cũ, lại cho đắp lại ngoại-thành : rộng bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai tầm, mở ra hai mươi mốt cửa ô. Vết thành cũ hiện giờ vẫn còn.

Triều Minh-Mệnh đổi Thăng-long làm Hà-nội

Năm Giáp-tí (1804), Gia-long thứ ba, xây lại thành Thăng-long. Nguyên vì nội-thành của nhà Lê đã đổ nát, chỉ còn cửa Đại-hưng ở phía nam và cửa Đông-hoa ở phía bắc, nên vua Gia-long mới sai xây lại thành Thăng-long : Chu-vi 432 trượng, cao một trượng một thước hai tấc, chung quanh có hào rộng bốn trượng. Lập ra hành-cung chính điện hai tòa (ngay chỗ điện Kinh-thiên của nhà Lê khi trước), tả hữu vu mỗi bên một tòa Mặt sau lập nội-điện ba tòa, tả hữu vu mỗi bên hai tòa. Phía sau cùng lại lập ra Tỉnh-bắc lâu. Ngay trước chính-điện thông ra cửa Đoan-môn, có xây một con đường đá. Tấm bia đá có chữ « Đoan-môn » là di-tích của nhà Lý còn lại vậy.

Thành mở ra năm cửa : *Chính đông, Chính tây, Chính nam, Chính bắc, Đông-nam* và *Tây-nam*. Trên

xem tiếp trang 13

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Chúng ta bao giờ cũng nên « nhớ rằng mục đích của việc « giáo dục là làm cho toàn thể « dân Pháp - Nam trở nên « những người ưa mến sự làm « việc và sự cố gắng ».

Cải-chính

T. T. số 10 — Trang 2, cột 2, dòng 9 : chủ nghĩa, sửa là chủ *ngữ ;* dòng 17 : thì sao gọi là văn *vần* được..., sót chữ *vần ;* tr. 11, c. 2, d. 47 : Gaspor, sửa là *Gaspar ;* d. 48 : Barbora, sửa là *Barbosa ;* tr. 13, c. 2, d. 18 : câu đối, sửa là *cân đối ;* d 35 : biến thể, sửa là biến *thể ;* tr. 15 c. 3, d. 8 — 10 : thừa từ « lại giữ » đến « 1918 » ; tr. 17. c. 1, d. 18 ; trừ nhị, sửa là *trừ*-nhị ; c. 2, d. 19 : Hiểm trung, sửa là *Hiển* trung.

Tạp-trở

Trả thù lối Mỹ

BẤT cứ ở nước nào, nếu ai bị « mọc sừng » thì dầu chết cũng cam lòng, người đó cũng tìm kế báo thù để nguôi cơn giận.

Ở đây, người ta quen dùng tới lưỡi dao oan-nghiệt để kết-liễu đời người vợ bạc-tình đã nỡ xan-xẻ trái tim với tình-lang. Người ta còn tìm cho được tên trộm .. ái-tình để đưa hắn về chín suối !

Ở Pháp, thì đã có súng lục để kết án những quân dâm phụ. Người ta còn dùng tới lưỡi gươm một phen sống chết quyết lấy máu kẻ thù để rửa vết thương danh-dự.

Bên Mỹ thì khác. Họ trả thù một cách dũng-cảm. Báo Mỹ có kể lại truyện một đôi bạn A và B cùng là thợ máy của một sở hỏa-xa.

Biết chuyện A đã manh tâm quyến rũ vợ mình, B muốn hả nỗi căm hờn, mời A tới sở làm để anh em chứng kiến.

Sau khi đã tìm được trọng-tài, cả hai đều trèo lên hai toa máy cùng trên một đường sắt nhưng mỗi toa để một đầu cách xa nhau chừng rằm cây số và châu đầu vào nhau.

Theo hiệu còi, A cùng B mở tốc-lực hai toa xe máy cho đâm vào nhau. B dù có thịt nát, xương tan, nhưng cũng vui lòng hả dạ vì đã công nhiên trả thù một cách can-đảm theo phạm-vi trong nghề.

Kết cục cuộc đấu xe lửa đó, cả hai đều phải đem vào bệnh viện băng bó. Người ta đã vô tình để đôi bạn đó nằm cùng buồng và cùng một bác sĩ trông-nom.

Gây nên tai-nạn hiểm-nghèo, chung quy chỉ lỗi tại tình yêu !

MÀNH PHAN thuật

P. N. KHUÊ

Cưỡng lại đau khổ, phấn đấu liền liền đó là châm-ngôn của những người yêu mình, yêu đời, yêu sự sống. Đừng phàn nàn ! Đừng mơ-mộng ! Văng mình vào giữa trận tiền. Và phấn-đấu luôn luôn, mãi mãi, lặng lẽ mà gan góc, trầm-tĩnh mà hăng hái. Ngày lại ngày, tiến dần vào cõi sống, sua tan những bóng ma, phá đổ các trở lực.....

Trích trong cuốn

NGUỒN SINH LỰC

của P. N. Khuê

Sách in rất đẹp, giá 0$45

Đã có bán ở khắp các hiệu sách

HÀN - THUYÊN XUẤT - BẢN - CỤC

71 Phố Tiên Tsin — Hanoi

ĐỀU MỚI IN LẠI LẦN THỨ 2

SỐ TỬ VI LẬP THÀNH

Dạy lấy số tử-vi không phải tính các Sao — dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

Giá Op.60

TỬ VI PHỤ ĐOÁN

nối vào quyển trên — **Giá Op.35**

của

nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là Nguyễn-Phúc Am, chủ Thiên-Phúc-Đường

Mua buôn tại hiệu sách Đông-Tây

195, Phố Hàng Bông — Hanoi

Mua lẻ cả hai quyển gửi bằng tem (cò) cũng được, nhớ thêm tiền cước là 0p.20 cho hiệu sách ấy.

Mảnh sử - liệu

Chúa Võ-Vương nhà Nguyễn trong mắt một sứ-giả Pháp

KỂ các chúa Nguyễn cai trị phương Nam, đến chúa Võ-vương Nguyễn Phúc-Khoát (1738-1765) thì cơ nghiệp nhà chúa thật là toàn thịnh.

Đời chúa Võ, đã bắt đầu mở cửa bể cho các người ngoại quốc đến buôn bán. Chuyện dưới đây là do một người Pháp kể lại một buổi vào triều-kiến nhà vua (1) :

«Chúng tôi đến triều kiến nhà vua, đã có một vị quan đón tiếp, qua hoàng thành vào tới nội-điện, còn cách độ 50 bước có hai hàng lính ngự-lâm giàn hầu. Lính này mặc áo nỉ vàng, trước sau có hai miếng dạ đỏ thêu chữ, đầu đội nón dấu chóp đồng, và đi giày chiền hở bàn chân trước.

« Lính ngự-lâm người nào cũng vạm vỡ và để râu giài. Tất cả đều cầm gươm trần.

« Khi chúng tôi vào yết kiến, nhà vua (Võ-vương) rất vui-vẻ, ôn-tồn hỏi chúng tôi đến có việc gì.

«Tôi tâu rằng: Thịnh-đức của nhà vua đã bay đến Tây - phương, nên Hoàng-đế nước Đại-Pháp là một cường-quốc ở Âu châu sai tôi đệ quốc thư và phẩm-vật sang để kết tình giao-hảo và buôn bán giữa hai nước.

« Ngài phán hỏi : Từ đây sang Âu-châu cách bao nhiêu dặm và sứ-giả đã đi bao lâu mới đến.

« Tôi tâu : nước Đại Pháp cách xứ Nam-hà 6 nghìn dặm mà tôi đã vượt bể trong sáu tháng mới đến. Ngài lấy làm vui sướng vì thấy tiếng-tăm ngài đã vang-lừng ở một nước cách xa như vậy.

«Rồi ngài lại phán hỏi thăm tôi về niên-canh, sức khỏe và hoàng-gia của Hoàng-đế Đại-Pháp cùng những phong-tục tây-phương

« Ngài lại truyền cho chúng tôi đứng lại gần ngai rồng để ngài xét xem những y-phục của chúng tôi. Sai cởi bỏ từng cái, cái nào ngài cũng thích. Duy đến bộ tóc giả (perruque) thì ngài lấy làm lạ, nhất là thấy có phấn rắc trên tóc, ngài hỏi để làm gì. Tôi tâu : Để cho tóc khô và sạch. Ngài phán : Như thế chỉ thêm bẩn. Rồi lấy quạt mà quạt đưa cho phấn bay lên.

« Trong khi hầu chuyện, tôi nhận thấy : Võ-vương là chúa thứ tám, đất Nam hà thuộc về họ Nguyễn, là một ông chua rất có thanh-thế.

« Làm chua phương Nam đã được 10 năm, ngài mới có 39 tuổi. Võ-vương sức-lực khỏe-mạnh, mặt mũi rất khôi-ngô, tóc để giài đã hoa râm, trán rộng, tai giài, mắt to, lông mày đen, cong vòng cung. mũi to mà không thô, râu mép đen, nhiều, miệng rất tươi, dưới cằm có ít râu thưa thớt. Cổ ngài hơi to, vai rộng và ngực nở, hai bàn tay dày, bụng to, người to lớn, bệ-vệ, chân vừa phải và bàn chân to.

« Những khi ngài ngự áo đại-triều thì dù đứng giữa hàng trăm quan cũng nhận ra được vì không ai to lớn bằng ngài.

«Nét mặt ngài hiền-từ, nước da trắng nhưng hơi xanh, chỉ khi nào ngài cười thì mới có nét răn

Kiểm duyệt bổ

TIÊN-ĐÀM

(1) Thuật theo tập kỷ-hành của Pierre Poivre (1749-1750).

Đón coi một số tới :

1·) Mong Chính-phủ Đông-dương và Triều-đình Huế hằng năm đặt những giải thưởng văn-chương và khoa-học.

của Phạm mạnh-Phan-

2·) Một áng thơ được Phan thanh-Giản trân-trọng...

của Cô Mộng-Tuyết

3·) Thành Đồ-bàn.

của Bùi văn-Lăng

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHUC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI — Tél. N°: 974

TÙY HỨNG

Mặt bể khi giăng mọc

Xanh-xanh bể tiện chân giời ;
Vàng-vàng ngọc thỏ ngoi-ngoi lên dần.
Nhấp-nhô lớp sóng xa gần
Lập-lòe lóng-lánh như lăn ánh vàng.

THÙY - THIÊN

●

Một ngày thăm vũng Hạ-long

Năm Giáp-tuất, Trung-thu sau tiết,
Rủ nhau đi cho biết Ha-long :
Bầu rượu ráo túi thơ không,
Cùng hai bạn với một đồng đủng đỉnh.

Năm giờ sáng, xuống thuyền nằm khểnh,
Giời trong veo, phong-cảnh cũng trong veo
Hai chân sào ra sức cùng chèo.
Chèo đập nước, nước tung theo trắng xóa

Nhấp nhô núi đá tô xanh, đỏ ;
Dìu dập buồm chài điểm nhỏ, to.
Nước xanh trong, phẳng lặng như tờ,
Trông xuống nước, núi thuyền phô nét vẽ.

Khe núi, ông giời vừa hé mặt,
Ngang thuyền, con gió cũng đưa hơi.
Kéo buồm lên, thuyền hứng gió giời,
Mái chèo gác, để một người bẻ lái.

Thuyền phăng phăng nghiêng mình lướt tới,
Rẽ nước thành tiếng réo rào rào.
Lên mui thuyền, ngắm cảnh quanh bao,
Nắng tuy rát, gió thổi phào lại mát.

Kìa núi Oản, Án-Hương, hang Bà già, hang Con gái ;
Nọ hang Luồn, Gà trọi, qua Đầu-gỗ, đến hang Giời.
Cảnh tuy nhiều, rút lại chỉ một vài :
Hết núi đá, lại nước, mây xanh biếc.

Muốn xem nhiều, hàng tuần chưa xiết ;
Xem một ngày, kể thiệt cũng xong.
Nước non là chuyện vô cùng.

CÁCH - CHI

Cỏ Ngu mỹ - nhân

Nhiếp bá khí tàn, cái oai hùng của cuộc hội - yến Hồng - môn đã không còn nữa. Để tạ lòng Sở-vương Hạng-vũ, giọt máu nàng Ngu còn như gửi niềm ly hận trong ngọn cỏ thơm...

Nhưng giòng nước muôn đời vẫn chảy xuôi; cả cuộc Sở Hán tranh hùng còn lại không hơn gì hai nấm đất. Cái lẽ phế hưng tang hải khốc nghiệt thay mà cũng đáng ngậm ngùi thay !

Hồng-môn chen ngọc nát tơi bời,
Mười vạn hàng binh đổ máu rơi !
Cung điện Hàm-dương ba tháng cháy,
Tan tành nghiệp bá, khói tro rồi !

Sức mạnh sao bằng nghĩa với nhân,
Âm-lăng lẽ tất phải thua quân.
Anh-hùng vốn học đích muôn kẻ,
Sao cứ khư khư buồn mỹ-nhân ?

Ba quân tan hết, cờ nghiêng ngả,
Trướng ngọc, giai-nhân sầu ủ-rũ.
Hồn thơm đêm lướt ánh gươm bay,
Máu đỏ, trên đồi, thành lớp cỏ.

Ngọn cỏ lạnh lùng lòng hận gửi,
Khúc xưa, nghe lại, vẫn chau mày !
Bồi hồi ai oán, sầu không nói,
Tiếng Sở-ca còn đâu vẳng đây.

Chảy xuôi dòng nước xưa nay đó,
Sở, Hán mất còn, hai nấm mộ.
Chuyện cũ lâu năm nay hóa không,
Cảm-hoài trước chén vì ai nữa ?

J. HIBA
(Dịch thơ cổ)

Nguồn gốc của mỹ thuật

Tự xưa loài người đã mến yêu cái đẹp và đã tìm cách diễn-tả cái cảm-tình ấy. Tự xưa lòng người đã thấy rung động bởi cảnh sắc Tự xưa người ta đã tỏ ra có một tâm-hồn dồi-dào và mơ-mộng.

Ta thử xét xem cái mỹ cảm ấy nó đến với người xưa như thế nào, và xem họ diễn tả ra bằng cách nào.

Ta thử tưởng-tượng một người thượng cổ đơn-sơ, chất phác. Sau khi hắn no-nê rồi, chân tay rỗi-rãi lắm, đầu óc thanh-thản lắm. Hắn không phải lo-ngại gì nữa vì hắn không lo xa lắm như ta. Ngồi trước cửa hang, nghe thấy tiếng suối róc-rách bên sườn non, la vàng rơi lác đác trên nội cỏ, gió hát trong rừng hoang, lòng hắn tự nhiên cũng thấy có một thứ âm-nhạc dạt-dào ở trong và như để ăn nhịp với điệu nhạc đang hòa bên ngoài. Hắn cảm thấy thế, nhưng không thể làm một bài thơ, đặt một điệu nhạc hay họa một bức vẽ.

Hắn cũng rung động và cũng thấy cần phải diễn-tả cái rung-động ấy ra. Nhưng diễn tả bằng cách nào ?

Nhờ có tiếng nói, lại nhờ có tính hay bắt chước của người, nên đời xưa, dưới sự thúc-giục của lòng yêu đẹp, đã tạo ra những bài hát, bài ca sơ-sài

Nhưng tiếng nói chưa đủ diễn-tả hết, họ lại sinh ra âm nhạc và liền theo đó có sự nhảy múa. Bao giờ cũng vậy, ca hát, nhảy múa, âm-nhạc thường đi liền với nhau Cái tính cách đặc biệt của những nền mỹ-thuật vào thời-kỳ cổ-sơ ấy là cái nhịp. Người thượng cổ rất ưa cái nhịp : sự nhắc đi nhắc lại, nhịp-nhàng uyển-truyền ấy rất hợp với tài mỹ-thuật của họ Cho nên hiện bây giờ những người mọi ở Phi-châu và ở Úc-châu vẫn còn thích những tiếng chiêng, tiếng trống rầm-rĩ và nhịp-nhàng của họ. Nếu cho họ ngồi yên lặng để thưởng-thức một bản đàn của Beethoven hay một bài hát của Grace Moore thì họ sẽ không hiểu và không thích chút nào.

Ngoài tiếng nói, người xưa lại dần dần sinh ra chữ viết nữa. Chữ viết trước hết là những bức họa đơn-sơ để tả hình-dáng các vật vẫn trông thấy. Bởi thế cho nên những chữ viết đã lâu đời như chữ tàu, chữ hi-lạp, chữ hébreux, chữ phạm đều có tính-cách hội-họa nhiều lắm. Trông một bài thơ tàu, dầu không hiểu nghĩa cho lắm, ta cũng cảm thấy một ít thi-vị phảng-phất chung-quanh.

Nhưng lần lần hội-họa thoát-ly ra ngoài chữ viết, hay nói cho đúng, chữ viết thoát-ly ra ngoài hội-họa, để có thể chỉ nhiều vật, nhiều hiện-tượng khác có tính-cách trừu-tượng.

Nói cho cùng, ta có thể chia mỹ-thuật ra làm hai nhánh chính :

Một thứ để phụng-sự cái tai và quây-quần chung-quanh tiếng nói ;

Một thứ để phụng sự cái mắt mà chữ viết co cong rất to.

Nói tóm lại, lòng yêu đẹp là một cảm-tình thiên-nhiên của người. Người ta là một con vật nhưng một con vật biết rung-động vì có óc thông minh và có tâm-hồn. Khi bị thúc-giục bởi những sự cần dùng của đời sống, ta phải dùng sức mạnh của thân-thể và trí-tuệ để làm việc, Nhưng khi rỗi-rãi, cái đồ dùng của sự sống kia, nghĩa là thân-thể và trí-tuệ, cũng rỗi-rãi quá.

Vả lại, trước khi tư-tưởng nghĩ-ngợi, ta đã bị rung-động bởi cảnh-sắc của trời đất và bởi chính lòng ta nữa. Mỹ-thuật vì thế mà có trước triết-lý. Ngay từ buổi sơ-khai, người ta đã có tính thích xếp-đặt, thích hòa-hợp để tạo ra những cái đẹp hợp với lòng mình. Ngay từ bước đầu, thiên-tính bắt chước đã bị vượt qua bởi trí sáng-tạo nó cũng thiên-nhiên như mọi cảm-tình khác. Bởi vậy, ta không thể nói quả-quyết rằng nền mỹ-thuật nọ bởi nền mỹ thuật kia mà ra.

Ngay từ buổi đầu tiên, người ta đã là con vật biết sáng-tạo. Nhưng có tính bắt chước, có trí sáng tạo, có tâm-hồn dồi-dào vị tất đã có thể làm nên nổi một tác-phẩm gì. Bởi vậy, người ta phải tỏ ra là một con vật thông-minh và hoạt-động nữa. Một kỳ sau sẽ nói kỹ về những ý tưởng ấy.

LÊ-TẢO

Ai đã chế ra máy chữ ?

Ngày 7 Janvier năm 1714, chính-phủ Anh đã phát bằng cho một người Anh tên là Henri Mill đã nghĩ làm được thứ máy viết những chữ giống như chữ in.

Năm 1841, lại có ba nhà nữa nghĩ cách sửa-sang thêm : hai người Anh tên Alexandre Bain và Thomas Wright, một người Mỹ tên Charles Thurber.

Tới năm 1845, bác-sĩ Leavitte người quận Kentucky, chế được một cái tiện lợi hơn mà ông Prentice, trợ bút một tờ nhật-báo ở Louis ville, đã dùng để đánh một bức thư cho người quen, trong thư có câu «Ông bạn của đệ mới chế được thứ máy chữ, đệ vội dùng nó để gửi bức thư thứ nhất cho huynh ông đây, mong huynh ông biết cho cái tình của đệ lúc nào cũng nhớ đến huynh ông lắm...»

KHÁI-SINH thuật

Hán-văn trích-diễm

« Trên ao », thơ Bạch-cư-Dị

HOA-BẰNG

Nguyên văn chữ hán

小娃撐小艇
偷採白蓮回
不解藏蹤跡
浮萍一道開

Tiểu hài sanh tiểu đĩnh,
Thâu thái bạch liên hồi.
Bất giải tàng tung-tích :
Phù-bình nhất đạo khai !

— Trì-thượng

Dịch

Cô em bơi chiếc thuyền con,
Hái trộm sen trắng, bon bon vừa về.
Dè đâu dấu vết còn kia !
Rẽ quang một vệt : bèo chia đôi đằng !

Chú giải

Tiểu hài là *cô bé xinh đẹp.*

Sanh là *cầm*, có khi đi đôi với chữ *trì*, thành tiếng kép là *sanh-trì*, nghĩa là *cầm nắm gìn giữ*. *Sanh tiểu đĩnh* đây, xin hiểu ngầm là *cầm* chiếc sào mà đẩy con *thuyền nhỏ*.

Thâu là *lấy trộm*, hơi giống với *thiết* là *lấy cắp*.

Bất giải là *không biết, không hiểu.*

Tàng là *cất giấu*, không để lộ ra.

Tung-tích, nghĩa đen là chỗ bước chân in xuống thành dấu vết, nghĩa bóng là tăm bóng người nào hoặc vật nào hay là những vết của sự vật gì còn để hình-tích lại.

Phù bình là *bèo nổi.*

Nhất đạo là *một đường lối.*

Ý bài này : Thấy hoa sen trắng nở mơn mởn, cô em xinh đẹp bơi chiếc thuyền con đi hái trộm. Nhân vì thuyền qua, bèo dạt, mở thành một đường dấu vết trên mặt ao, khiến ai trông thấy cũng biết ngay là có người vừa thả thuyền, lướt qua mặt bèo, hái vụng hoa sen trắng. Cô em hãy còn ngây thơ, hành động theo tự nhiên, nên không để ý giấu giếm việc mình đã làm.

Bài này hay vì tác-giả Bạch-Cư-Dị đã khéo dễ tả được nhiều nét kỳ diệu: Cô em bé bỏng chở chiếc thuyền cũng bé nhỏ xinh xắn. Sau khi thuyền đã đi khỏi, người đã về rồi, trên mặt bèo xanh lềnh bềnh trong ao còn in lại một vệt quang đãng, khiến người ta biết ngay đó là quang cảnh sau khi có thuyền vừa xuống hái sen.

Tác-giả lại khéo dùng những tiếng hình-dung-từ để vẽ những cảnh vật trước mắt : Sắc sen *trắng* gợi cho người đọc liên tưởng đến nước da trắng mịn của cô em măng sữa ngây thơ. Đó là một lối thơ rất có màu sắc. Lại, khi đọc đến hai tiếng *bèo nổi*, ta tưởng tượng ngay đến thân bèo lềnh bềnh trên ao, hễ chiếc thuyền lồng qua thì bèo phải nhẹ nhàng dạt ra hai bên, để lộ sắc nước trong trẻo.

Bài thơ này như một bức vẽ : phác sơ mấy nét mà có cái viễn-vọng xa xăm, man mác, mông-mênh...

Bài thơ này như một bản đàn : đường tơ tuy ngừng, nhưng dư-âm hãy còn bên tai vang vẳng...

Tiểu-sử Bạch-cư-Dị

Bạch, tên tự là Lạc-Thiên, người Thái-nguyên đời Đường (618-906), đỗ tiến-sĩ đời Nguyên-hòa (806-820), làm chức Tả thập-di, rồi bị biếm-truất phải ra làm Tư-mã ở Giang-châu. Năm Nguyên-hòa thứ mười (815), Bạch viết được bài *Tì-bà-hành*, một áng văn kiệt-tác nổi tiếng suốt xưa nay. Trong có những câu hay, đẹp như :

Điền đầu, ngân phê kích tiết toái ;
Huyết sắc la quần phiên tửu ô ...
Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
Thu nguyệt, xuân phong đẳng-nhàn độ !

Nghĩa là :

Vành lược bạc chia tan dịp khổ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi !
Năm năm làn lứa vui cười,
Mải giăng hoa chẳng đoái hoài xuân thu !

Theo bản dịch của Phương-Đình Nguyễn-Siêu tiên-sinh)

Về sau, Bạch lại được vời về triều, làm đến Hình-bộ Thượng-thư.

Khi tuổi già, Bạch tìm thú mua vui bằng câu thơ, chén rượu, hiệu là Túy-Ngâm tiên-sinh (ông say rượu và hay ngâm thơ) Bạch có nhà ở Hương-sơn, nên xưng là Hương-sơn cư-sĩ.

Thơ Bạch có những đặc-sắc này : sâu-sắc, ôn-hậu, đẹp đẽ, chặt chẽ nhưng bao giờ cũng nhuộm màu bình-dị

Vua Thanh Càn-long có phê bình về thơ Bạch rằng: «Cội gốc thì dựa theo cái tôn-chỉ sâu, nghĩa trong kinh Thi, nhưng không lỗi mất cái ý ôn-hậu, hòa-bình. Biến đổi lối thơ hùng-hậu, thượng kinh của Đỗ-Phủ, Bạch làm ra lối trôi chảy, êm ả và rõ ràng Không noi theo diễn-mạo nhưng vẫn lột được cái thần-thái và ý-vị của thơ Đỗ-Phủ. »

Đương đời bấy giờ, người ta đua nhau theo lối Hán, Ngụy, đặt ra những thơ cổ-kính, khó-khăn,

xem tiếp trang 12

Thơ Bạch Cư Dị

Tiếp theo trang 11

Rất đỗi có người lại làm thơ theo loi Nhã, Tụng trong kinh Thi để lòe loẹt ta đây là cao kỳ, là học rộng.

Phản-động lại phái thơ trên, ạch gây ra một lối thơ thật dễ h ều, cốt sao cho lọt được vào tai bình-dân».

Khi làm thơ, Bạch muốn cho bà lão nhà quê cũng có thể h ều được. Đọc lên hễ người ta không hiểu thì Bạch lại làm lại. Vì có tính cách bình dân ấy, thơ Bạch được lưu hành ở đương-thời một cách rất phổ-cập. Từ vương công đến cac chị em dưới xom và các trẻ chăn trâu bò chẳng ai không truyền đọc thơ Bạch.

Thơ của Bạch chẳng những được truyền ở Tàu, ở ta, mà cũng được lưu hành ở Cao-ly và Nhật-bản nữa.

Mỗi khi lui tới xóm chị em, ai là không được nghe bài dịch thơ « *Tì-bà* » của Bạch do chị Lan, chị Tuyết giới thiệu với ta bằng giọng du - dương, uyển-truyền? Đó, thơ Bạch được phổ-cập là thế.

HỌA BẰNG

Một nhà đại-văn-hào độ vừa tạ-thế

RABINDRANATH TAGORE (1861-1941)

NHÂN-NGHĨA

I.— Tiểu-sử

ĐIỆN-TÍN Arip ngày 7 Août vừa rồi báo tin ông Rabindranath Tagore, một nhà đại-văn-hào của Ấn-độ, của Á-châu, của cả thế-giới, đã tạ-thế tại Calcutta.

Ngay từ khi khảo-cứu về phần-thưởng văn-chương Nobel, chúng tôi đã thu-thập được nhiều tài-liệu về Togore tiên-sinh (R. Tagore được phần-thưởng ấy năm 1913).

Nói rằng « nhiều » cũng chỉ là « nhiều » một cách tương-đối mà thôi; chứ thực ra những tài-liệu pháp-văn cũng như quốc-văn nói về tiên-sinh hãy còn hiếm-hoi quá.

Không kể mấy cuốn tiểu-thuyết của tiên-sinh (*La Maison et le monde, A quatre voix*, v. v...) khi dịch ra pháp-văn, có kèm thêm những bài tựa (của Romain Rolland, Léandre Vaillat, v. v...) thuật sơ qua sự nghiệp của tiên-sinh, lại không kể một cuốn sách nhỏ siu và mỏng tèo độ hơn chục trang, bằng pháp văn, xuất-bản ở Saigon, năm 1924, thật quả không có một quyển sách nào nói kỹ về tiên-sinh hết.

Còn về những bài ngắn ngắn, thì cả thảy độ rằm ba bài, tản-mác trong những số báo mà ít người còn giữ được, tựu-trung có một bài của ông Trúc-Đình trong Nam-Phong (Mai 1921) là quan-trọng hơn cả. Báo « Phụ-nữ tân-văn » trong Nam, báo « Văn-học tạp-chí » ngoài Bắc, trước đây, cũng có nói về tiên-sinh nhưng sơ-lược hơn nhiều.

Nhân dịp tiên-sinh mới mất, chắc hẳn có nhiều báo chí Pháp-Nam đã nói hay sẽ nói về tiên-sinh. Thật là một dịp cho ta tỏ lòng ngưỡng mộ một nhà đại-văn-hào đã làm cho thế giới không dám coi thường nước Ấn-độ.

●

Là con út trong gia đình năm con trai, Rabindranath Tagore (theo tự-điển Larousse du 20e siècle thì tiên-sinh chính tên là *Thakur*, còn *Tagore* là biệt-hiệu) sinh ở xứ Bengale (Ấn-độ) ngày mồng 6, tháng 5, năm 1861 (tính đến nay vừa chẵn 80 tuổi).

Ông nội là Dwarakanath Tagore, một vị quốc vương, xướng lập ra phái tôn-giáo rất bành trướng ở Ấn-độ: phái « Brama samadj ». Cha là Debendranath Tagore, một nhà đại-tư-tưởng được quốc-dân Ấn-độ tôn-sùng như một bậc thánh sống. Mẹ mất từ năm R. Tagore còn nhỏ tuổi: R. Tagore có nhắc đến mẹ một cách cảm-động trong cuốn «*Réminiscences*». Mẹ đã mất, mà cha thì mắc bận công nọ việc kia, nên mãi đến năm lên tám, R. Tagore bị giao-phó cho quân hầu dẫy tớ: sự giáo-dục như vậy lẽ tất nhiên là chênh mảng và khuyết điểm.

Khi được vào trường Sư-phạm (Séminaire Oriental), R. Tagore tiên-sinh ít lo đến sự học-hành, nhưng chỉ thích làm thơ; thích làm thơ là vì có người anh họ giảng dạy cho cách-thức làm thơ. Năm 14 tuổi, tiên-sinh đã làm được một bài thơ rất hay (đầu đề dịch ra chữ pháp là: *Le Génie de Valmiguy*).

Sau trường Sư-phạm, tiên-sinh lần lượt đến học ở viện « Bengal Accademy » và trường Trung học « Saint François-Xavier ». Tiên-sinh là một người học-trò cũng « soàng » thôi; vẫn chểnh mảng việc học mà chỉ thích thơ.

Năm 1877 (16 tuổi), tiên-sinh được nhà cho sang nước Anh du học. Tiên-sinh học ở trường Đại-học tỉnh Londres, rất chuyên về anh-văn. Sau này, chính tay tiên-sinh lại dịch những tác-phẩm của mình ra anh-văn; nhờ đó, thế giới mới được thưởng-thức cái hay của những sách mà nguyên-văn bằng tiếng bengali.

Tuy vậy, tiên-sinh cũng không ở lâu bên nước Anh, chỉ những muốn chong chóng mà về cố-quốc. Sau này, trong tập «Hồi-ức» (Réminiscences), tiên-sinh thường nhắc đến những ngày trọ học ở nhà bác-sĩ Scott, phố Regent Street.

Khi về nước, tiên-sinh đứng quản-đốc 3 tờ báo xuất-bản hằng tháng, tên là « Baradi », « Sainana », và « Vangatharisaname ».

Năm 1900, tiên-sinh tự sáng-lập và quản-đốc một trường Đại-học, ở tỉnh Bolpur (gần Calcutta), lấy tên là « Santhanikethalam » (nghĩa là Hòa-bình viện). Trường Đại-học ấy chuyên dạy về văn-hóa Đông-phương. Mục-đích của trường là truyền-bá những tư-tương hòa-bình bác-ái.

Năm 1906, tiên-sinh chủ-tịch một hội-nghị tôn-giáo quan-trọng ở xứ Bengale. Năm 1907, tiên-sinh lại chủ-tịch một kỳ hội-đồng chính-phủ xứ Bengale. Đến năm 1912, tiên sinh lại sang du-lịch Âu-châu.

Chính hồi này, tiên-sinh tự dịch ra anh-văn một cuốn thi-ca về tôn-giáo rất đặc-sắc của tiên-sinh (nguyên - văn bằng tiếng bengali, tên là « Gitanjali »; bản dịch chữ anh tên là « Song offerings »; bản dịch lại ra chữ pháp của A. Gide, tên là « L'Offrande lyrique »). Cuốn « tụng-thần-ca » ấy làm cho tiên-sinh tiếng-tăm lừng-lẫy ở Âu-châu. Vì thế, năm 1913, tiên-sinh được phần-thưởng văn-chương Nobel, là một phần-thưởng giá-trị nhất hoàn-cầu.

Khi ở Âu-châu, và sau này, khi sang Mỹ, sang Trung-hoa, sang Nhật, v. v., đến đâu tiên-sinh cũng diễn-thuyết về chủ-nghĩa hòa-bình và cổ-động cho « Hòa bình viện ».

Tháng Juin năm 1929, nhân sang diễn-thuyết ở Đông-kinh về, tiên sinh có ghé qua Nam-kỳ và diễn-thuyết ở nhà Hát tây Saigon, được báo chí Pháp-Nam và công-chúng Saigon hoan-nghênh lắm.

Trong số báo này, chúng tôi chỉ mới thuật qua tiểu-sử của tiên-sinh.

Còn văn-chương và tư tưởng của tiên-sinh, chúng tôi sẽ cho ra mắt độc-giả trong một số tới.

Nhân-Nghĩa

Thành Thăng-Long

(Tiếp theo trang 6)

có thủ-lâu, dưới có hào sâu, cầu bắc qua hào xây bằng gạch, bên ngoài lại có lần thành thấp để che các lối cửa ra vào. Trông ra vẻ tráng lệ lắm.

Năm Minh mệnh 12 (1831) đổi Thăng long làm Hanoi, nên đời bấy giờ thường gọi là Hà nội tỉnh-thành.

Năm Quý-mão (1843), Thiệu-trị thứ ba, đổi hành-cung làm điện Long-thiên. (Xem lại bản đồ số 2 ở T. T. số 10).

Năm Mậu-thân (1848), Tự-đức nguyên-niên, vì việc sứ tàu sang phong vương, nhà vua đã cho dỡ phá hầu hết những cung-điện ở trong thành đi. Thực là một việc đáng tiếc!

Năm Quý-dậu (1873) và Quý-mùi (1883), sau khi quân Pháp hạ thành Hà-nội được ít lâu, thì thành-trì phá bỏ. Nay ta chỉ thấy còn một ít vách thành cửa Bắc phố Carnot thôi.

Ấy cuộc đổi thay của thành trì nó đã xúc-động biết bao tấm lòng hoài cổ! (Xem bản đồ số 3) (1).

HẾT

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

(1) Bản đồ số 1 — Theo sách *Cản khôn nhất lãm* của Đông dã Tiêu. Bản đồ số 2 — Theo sách *Thiên nam tứ chí* của ty Đề chính triều Tự đức. Bản đồ số 3 — Theo bản đồ thành phố Hanoi của sở Địa dư Đông dương.

Kỳ sau:

1) « Chinh-chiến », một bài thơ hùng-tráng của Minh-Tuyền, tả cảnh chiến-tranh từ xưa tới nay.

2) Cách gửi thư của ta ngày xưa, một bài khảo-cứu của Tiên-Đàm, nói rõ việc gửi thư và nhà trạm ngày xưa ra sao.

Tấn tuồng đời

Bi-kịch hay hài-kịch ?

NGƯỜI ta sinh ra đời để làm gì ? Đó là một câu hỏi có đã tự hơn sáu nghìn năm nay, nghĩa là từ khi loài người biết tư tương và biết họp thành đoàn-thể. Vậy mà đến nay cũng vẫn chưa giải-quyết được : chúng ta ở đâu « lạc lối » đến đây ? sống ở trên mặt trái đất này để làm gì ? Khi chết ẽ bước chan sang cái thế giới nào khác ? Bao nhiêu câu hỏi, là bấy nh êu câu khó trả lời, mặc dau các nhà triết-học cổ kim đã lao tâm, khổ tư để trầm-tư, mặc-tưởng.

Sinh ra ở đời để ăn miếng ngon, mặc của tốt lấy vợ đẹp, đẻ con khôn chăng ? Hay để miệt mài trong cuộc truy hoan, cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm, kẻo nữa hết xuân ? Hay để làm giàu, để chạy theo những cái hư danh ? Để ngày hai buổi, « sớm vác ô đi, tối vác về », mà chờ cho ngày xanh mòn mỏi ? Không ! Vậy sinh ra đời, để chém giết lẫn nhau bằng đủ các cách khoa-học tối-tân ? Cũng có lẽ ! Hay để đóng một vai trò trong tấn tuồng «thiên-diễn»? Đúng. Rất đúng!

Cái tấn tuồng đời có những chi ? Kể ra thì nhiều lắm, nhưng rút lại thật chỉ có hai trò, diễn đi diễn lại không biết bao nhiêu lần : tiền và tình. Thật thế. Từ xưa tới nay, trải bao phen sao dời, vật đổi, mà tiền vẫn là « chủ-nhân ông thế-giới ». Trong tay đã sẵn đồng tiền, thì dại cũng hóa khôn, dở cũng hóa hay, muốn gì mà chẳng được, cứ gì là mua « tiên » ! Còn không có tiền thì cốt-nhục cũng đến tương-tàn, thân-thích cũng phải phân-ly ; và cho dẫu « miệng có nói như rồng » cũng chẳng ai thèm nghe ! Biết bao nhiêu tấn kịch, đáng khóc, đáng cười, đã diễn ra trong gia-đình, ngoài xã-hội bởi cái thế-lực vô-song của kim-tiền !

Còn tình nữa. Thiên-hạ yêu nhau là yêu những cái bề ngoài, hoặc những cái « bám » vào người cả. Cô yêu cậu, bởi tham cái bằng-cấp ; cậu yêu cô, bởi hám món tiền hồi-môn, v... v... Rồi tiền còn thì tình còn ; tiền hết, tình cũng hết. Tiền, tình ; tình, tiền, thật là « loanh-quanh trong cái vòng luẩn-quẩn » !

Ta cười đời ư ? Nếu đời là một tấn hài-kịch, thì cụ Nguyễn-tiên-Đền đã không phải nuốt lệ mà viết những câu như :

« *Trải qua một cuộc bể-dâu,*
« *Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng* ».

Ta khóc đời ư ? Nếu đời là một tấn bi-kịch, thì cụ Nguyễn Phi Khanh đã không viết mấy câu :

« *Ngồi buồn mà trách ông xanh,*
« *Khi vui muốn khóc, buồn tanh lại cười* ! »

Các bạn đa tư lự nghĩ sao ? Các bạn đa-sầu, đa-cảm nghĩ sao ?

Chắc các bạn cũng đồng-ý với CHAMFORT nói với SIEYÈS trước khi lâm chung rằng : « Thôi ! bạn ơi, tôi vĩnh-biệt cõi đời này, nó làm cho ta phải tan-nát lòng, hay trở nên sắt đá vì những điều trông thấy ! »

LAM-GIANG

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đổ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p 50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HONG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường. thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đau cũng biết tiếng

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Hợp-ước tương-trợ Pháp Nhật về việc phòng-thủ Đông-Dương

CUỘC tấn-công vào xứ Syrie ở dưới quyền ủy-nhiệm nước Pháp đã một phen phơi ra ánh sáng cái dã-tâm của Chính-phủ Luân-đôn định xâm-chiếm các thuộc-địa Pháp, hoặc vì sợ địch-quân mượn các nơi căn-cứ để đánh thuộc-quốc Anh, hoặc vì thuộc-địa Pháp có địa-thế thuận-lợi tiện cho việc giao-thông giữa các đất thuộc Anh cai-trị

Thực vậy, Anh đã lợi dụng thời-cơ để tìm cách chiếm các thuộc-địa Pháp.

Một chứng-cớ là dân miền duyên hải Somalis vì không chịu phục-tòng Chính-phủ Anh mà đương sống trong cảnh lầm-than cơ-cận với cuộc phong-tỏa Anh. Mà đất Somalis trong cuộc chiến-tranh hiện thời không giúp ích gì cho Anh trong việc quân-sự cũng như về phương diện kinh-tế.

Đông-dương không phải là một đất-đai ở dưới quyền ủy nhiệm nước Pháp. Đông-dương gồm có một thuộc địa và bốn xứ bảo-hộ, dân tuy nhiều giống nhưng hợp làm một khối trung-thành dưới chính-thể Pháp-quốc. Chính-phủ bản-xứ vẫn tiến-hành công việc cai-trị dưới quyền kiểm-đốc nước Pháp và vẫn được bảo thủ những tục mỹ, phong thuần.

Vì vậy, trước tình-thế quốc-tế hiện-tại, dân Đông-dương vẫn một lòng trung-thành với Chính-phủ Pháp.

Sau cuộc thắng lợi trên đất Syrie, Anh hình như sửa-soạn, giúp phái De Gaulles, để định nhòm xứ Đông-dương.

Gần đây, Anh tải rất nhiều quân-nhu chiến-cụ đến Tân-gia-ba, Mã-lai và biên-giới Thái-lan. Trước cái lực-lượng ấy, Đông dương không thể không lo ngại mà không tìm cách tự vệ.

Chính quốc ở xa, các đường giao thông bị Anh phong tỏa, dù có muốn đem thêm quân đội và chiến cụ sang Đông-dương cũng không phải là việc dễ.

Nhật-bản là một cường-quốc có nhiều lợi quyền ở Á-Đông, vẫn chú-trọng đến tình-hình quốc-tế. Muốn tránh một cuộc ngoại-xâm, Nhật cần có các nơi căn-cư ở miền Nam để phòng một cuộc tấn-công của nước địch. Vì vậy, Nhật yêu-cầu Chính-phủ Pháp phòng-thủ Đông-dương và xin hợp-tác về mặt quân sự

Đương lúc nước Pháp cần các phương-pháp phòng-thủ Đông-dương, lại được nước Nhật-bản công-tác, lẽ tất nhiên là phải nhận nhời.

Ngày 29 Juillet 1941, hồi 11 giờ, tại Vichy, Đô-đốc Darlan, Phó-quốc-trưởng Pháp, và Đại-sứ Nhật-bản Sotomatsu Kato đã ký một bản hợp-ước đại-lược có ba khoản thiết yếu :

1· Hai Chính-phủ Pháp-Nhật cam-đoan tương-trợ trong việc phòng thủ Đông-dương ;

2 Phương-pháp phòng-thủ sẽ tùy thời định liệu ;

3· Điều-kiện hợp-ước sẽ thi-hành cho tới khi tình-thế quốc-tế đã yên.

Hợp-ước làm thành hai bản và bắt đầu thi-hành từ 29 juillet 1941.

Hội-nghị tư-vấn Nhật bản đã duyệt-y hợp-ước này.

Đại-tướng Sumita và các nhà cầm quyền Pháp tại Hà nội và Sài gòn đã thỏa-thuận về các khoản thi hành hợp-ước.

Quân-đội Nhật được dùng các nơi căn-cứ hải, lục, không-quân tại miền Nam Trung-kỳ, tại Nam-kỳ và Cao-miên.

Từ 30 Juillet 1941, quân-đội Nhật đã bắt đầu đổ bộ tại miền Nam Đông-dương, không xảy sự gì. (Tin này, Tri-Tân đã nói sơ ở mục « *Tin vắn* . . . » trong số 10).

Quân-đội Nhật-bản và chiến-cụ tập-trung ở Đông-dương sẽ đủ lực-lượng để cùng Chính-phủ Đông-dương để phòng một cuộc ngoại-xâm.

Ký hợp-ước tương-trợ với Nhật, Chính-phủ Pháp đã hành-động một cách nhanh chóng để đi đến một cuộc phòng-thủ chung với Nhật trên giải đất Đông-dương Hợp-ước này không phải là một cuộc đồng-minh về quân-sự, không phải việc nhượng chủ-quyền ở các nơi căn-cứ.

Nhường và cho mượn các căn-cứ-địa khác nhau nhiều lắm : Đã nhường cho một nước thứ ba một căn-cứ-địa thì dù hiện-tại, dù tương-lai, cũng không còn một tí quyền-lợi trên đất nhượng-địa ấy nữa.

Còn như cho mượn một căn-cứ-địa, thì chủ-nhân ông vẫn có chủ-quyền trên đất ấy. Một thí-dụ :

Theo các khoản hiệp-ước 9 Mai 1941, Nhật-bản được dùng tạm-thời các cơ-quan quân-sự tại Hải-phòng, tập-trung quân-đội và chiến-cụ ở một vài tỉnh Bắc-kỳ. Tuy vậy, tại Hải-phòng và ở mấy tỉnh ấy, vẫn có quan-chức văn-võ Pháp cai-trị, tức là nước Pháp vẫn có chủ-quyền ở các nơi ấy

Việc Anh đánh Syrie với việc Nhật phòng-thủ Đông dương không giống nhau :

Tại Syrie, Anh không điều-đình trước với Chính phủ Pháp, cứ công-nhiên đem quân sang xâm-chiếm.

Trái lại, đối với vấn-đề Đông-dương, Nhật tỏ rõ với Chính phủ Pháp quan-niệm của mình và điều-đình một cách rất thân-thiện với Pháp để tìm các điều-khoản một hợp-ước tương-trợ.

Nhật được hưởng nhiều sự dễ-dàng để hợp-tác với Chính-phủ Đông-dương trong việc phòng-thủ các miền quan-ngại.

Nhật công-bố giữ nhời hứa cũ từ hợp-ước 30 Août 1940 : giữ nguyên-vẹn lĩnh-thổ Đông-dương ở hiện-tại cũng như ở tương-lai, tôn-trọng chủ-quyền nước Pháp trong các xứ Đông-dương và trong thời-kỳ Nhật đóng quân tại các căn-cứ-địa Đông-dương.

Ngày nay, Đông-dương nhờ hai Chính-phủ Pháp Nhật cộng-tác trong việc phòng thủ, dân không còn lo ngại một cuộc ngoại-xâm, có thể vững tâm sinh hoạt trong cảnh thái bình thịnh trị

NHẬT-NHAM

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc tế

Đức thắng Nga một trận to tại Smolensk, bắt được 310000 tù-binh, 3205 chiến xa, 3120 súng thần-công.

Đại-sứ Hoa-kỳ Leahy đệ trình Thống-chế Pétain bức công-điệp của Chính-phủ Hoa-kỳ muốn biết rõ cách phòng-thủ thuộc-địa Pháp như thế nào ? Pháp đã trả nhời.

Một chiếc tầu Lỗ-mã-ni và một chiếc tầu Ý dời bến Stamboul (Thổ) ra khỏi doi bể Dardanelle bị tầu ngầm đánh đắm.

Đại-tướng Antonesco, vì đã có công trong việc giải-phóng xứ Bessarable khỏi nội thuộc Nga, mới được quốc-trưởng Đức thân-hành tặng chiến-thứ bội-tinh.

Một chiếc tầu ngầm Đức bị Anh đánh đắm trong Đại-tây-Dương.

Nga và Na-uy lại mở cuộc ngoại-giao.

Từ miền duyên-hải Pháp, súng Đức bắn qua vịnh Manche sang đất Anh. Vài người bị thương, ít nhà bị hư-hỏng.

Thổ-nhĩ-kỳ vẫn đứng trung-lập.

Đại-biểu Anh và Nga điều-đình để kéo xứ Iran về phe mình, nhưng Iran giữ trung-lập.

Chính-phủ Hoa-kỳ phái thêm 17 sĩ-quan về kỵ-binh và pháo-thủ sang Phi-luật-tân.

Có tin Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt đã hội-kiến cùng thủ-tướng Anh Churchill.

Công-ty Đức-Hung mới tìm được một giếng dầu hỏa giữa đồng-bằng Hung, cách tỉnh Toklomles 3 cây số.

Hội-nghị chiến-tranh Úc đã họp một thời-kỳ rất lâu để xét tình-hình Viễn-đông.

Mùa màng ở Gia nã Đại rất tốt.

Hai chiếc tầu Thổ chở lúa mì sang giúp Hy-lạp đương bị nạn đói kém.

Rất nhiều chiến-cụ của Mỹ gửi sang Nga đã lên đường sang Nga.

Tàn-quân Anh vẫn kháng-chiến trong các vùng rừng núi trên đảo Crête. Quân này hai tháng trước không kịp tẩu thoát, nên hiện nay thành những quân du-kích chống nhau với quân Đức đóng ở đảo.

Xưởng Staline gần Mạc Tự Khoa vẫn tiến-hành như thường. Hàng mấy triệu thợ thuyền vẫn đúc chiến-cụ, tuy các xưởng ấy đã bị mấy trăm tạc-đạn phá hủy.

Quân Nga bị chết trận ở Ukraine nhiều lắm. Những sư đoàn Nga bị vây ở Odessa không thể xuống tầu chạy thoát được.

Quân Phần ở phía bắc đã chiếm được Sortavale quân Đức ở phía nam đã chiếm được Nicolaiev và Krivoirog của Nga. Có lẽ Nga, Anh sẽ dùng binh lực để uy hiếp Ba-tư (Iran).

Đông-Dương

Nghị định của quan Toàn-quyền ký ngày 12 Aout 1941 đã định thể-lệ việc cử hội-viên Hội-đồng thành phố Saigon, Hanoi, Haiphong theo như sắc-lệnh ngày 27-4-41.

Chức Đốc-lý (xã-trưởng) sẽ do quan Toàn-quyền cử theo đề nghị của các quan Thủ-hiến mỗi xứ và sẽ chọn trong hàng các quan cai-trị.

Hội-đồng thành phố gồm có 12 hội-viên thực-thụ và 4 hội-viên dự-khuyết người Pháp do quan Toàn-quyền cử và chọn trong số 32 nhân-vật do quan Thống-đốc Nam-kỳ hay quan Thống-sứ Bắc-kỳ tiến cử ; 10 hội-viên thực thụ và 3 hội viên dự khuyết người Nam do quan Toàn-quyền cử và chọn trong số 26 nhân vật (công chức hay không phải công chức) do quan Thống-đốc Nam-kỳ hay quan Thống-sứ Bắc-kỳ tiến cử.

Công-báo Đông-dương ngày 9 Aout có đăng nghị-định quan Toàn quyền ký ngày 5 Aout tạm thời thi hành nghị quyết của Hội-đồng Chánh-phủ ngày 10 juin 1941 cấm việc xuất cảng hàng hóa. Phương pháp ấy chỉ cốt để kiểm-sát việc xuất-cảng, để thực hành cho được dễ dàng những điều cam kết với ngoại-quốc và để chống lại nạn đắt đỏ.

Nghị định quan Toàn-quyền ngày 15 Août 1941 định việc lập những cơ quan cần thiết để khuyến khích cuộc phát triển của kỹ nghệ và tiểu công-nghệ ở Đông-dương.

Kính cáo cùng bạn đọc thân-yêu của

QUỐC HỌC THƯ-XÃ

Vì ấn-loát rất công-phu, tốn kém, trình-bày rất mỹ-thuật, cuốn đặc-san số 1 của Quốc-học thư-xã, bìa hai màu, có cliché photogravure, là cuốn

NGƯỜI LỊCH-THIỆP

bắt buộc phải định giá lại là 0p.65 một cuốn mới đủ tiền in, và bộ

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Dày ngót 400 trang có chua chữ Hán, cũng vì các lẽ trên, bắt-buộc phải định giá lại là 2p 80 một bộ mới khỏi lỗ tiền in, mong các bạn đọc thân-yêu lượng biết cho.

Có in một số sách bằng giấy bouffant hảo hạng 3p.80 một bộ bìa vải chữ vàng 5p 00 một bộ dành riêng cho các bạn đặt tiền trước ngày 15 Septembre 1941.

Lê-văn-HOÈ
Giám đốc Quốc-học Thư-Xã
16 bis rue Tien Tsin—Hanoi

Quyển vàng lần giở

« CHỒNG CON »

của TRẦN TIÊU (1)

TÔI đã có lần nói đến ông Trần Tiêu với tác-phẩm đầu của ông là quyển «Con trâu » (2).

Tôi đã nhận thấy cái chỗ tham-lam của tác-giả đem ba cuốn tiểu-thuyết hợp làm một : một cuốn nói về ái-tình quê-mùa, một cuốn tả gia-đình dân quê với bao sự nghèo đói túng-thiếu và một cuốn tả phong-tục xóm làng việt nam với những hội-hè đình-đám, với những cảnh chè chén, khao vọng mua nhiêu, bán xã.

Tôi vẫn nhận thấy cái « tội » tham-lam ấy trong quyển «Chồng con » vừa mới xuất-bản.

Nếu « Con trâu » là cuốn tiểu-thuyết của người đàn-ông dân-quê việt-nam, thì tôi có thể nói : « Chồng con » là cuốn tiểu-thuyết của người đàn-bà dân-quê việt-nam.

Vì cái luận-đề rộng rãi ấy (đời sống từ trẻ chí già của người đàn bà nhà quê), nên tác-giả được thể kéo giài : nào sự lo-lắng buồn phiền của người đàn bà lấy chồng tám chín năm mà chưa có con tuy đã cúng-vái cầu tự đền này, phủ khác ; nào lúc có một vài mụn con rồi lại lo-lắng cho chồng nên danh nên giá với làng trên xã dưới ; nào buồn-phiền khi chồng ham-mê cờ-bạc ả-đầu ; nào buồn-phiền thấy con gái nhớn lấy lẽ một ông nghị, vì bị hành-hạ khổ sở quá mà phải trốn đi với một chàng trai-trẻ khác ; nào buồn-phiền thấy con gái nhỏ lấy chồng nghèo quá đến nỗi phải chết trong một cái quán bên đường sau khi đẻ được đứa con đầu lòng ; nào lo-lắng cho con trai nhớn được chức phó-lý và cưới vợ cho nó ; nào lo cho chồng « lên lão » sáu mươi ; lại lo gây-dựng cho con trai nhỏ đã đi lính nay mai đóng cai, đóng đội... Đấy, cả một đời buồn-phiền lo-lắng ! Đấy, cả một đời đảm-đang, làm dâu, làm vợ, làm mẹ của người đàn-bà dân-quê việt-nam

Tác giả cứ thực-hành cho xong cái chương - trình rộng-rãi ấy cũng đủ làm một pho sách rồi. Vậy mà ông gặp chuyện gì cũng dừng lại, tả tỉ-mỉ, kể lể con cà con kê, người này nói thế này, người kia nói thế khác. Ông đã dành cả chương VII trong phần thứ nhất để tả một canh bạc ở nhà chánh-hội, dành cả chương đầu phần thứ hai để tả cái « ra vần vào vơ » trong một ngày của ông lý Bồng, chồng người đàn bà vai chính cuốn truyện.

Tôi luôn luôn thấy những cái « rườm rà », những cái « lắm nhời » của tác-giả. Giá bỏ được những cái ấy, thì cuốn tiểu-thuyết 264 trang có thể rút bớt được 100 trang mà chắc không hại gì cho giá-trị cuốn sách.

Vì giá-trị nó đâu phải ở những chỗ kể-lể lai-nhai chuyện này chuyện khác. Giá-trị nó là ở chỗ tả cái đời đảm-đang của người đàn bà nhà quê nam-việt :

« Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi nồi năm con với một chồng ».

Suốt một đời cần-lao tận-tụy vì chồng, vì con, người đàn-bà ấy chỉ mỉm cười sung-sướng khi thấy chồng, thấy con được nên danh nên giá, làm nên ông nọ ông kia có ngôi ăn chốn ngồi trong chỗ đình-trung. Còn ngoại-giả chỉ thấy những buồn phiền cùng lo-lắng.

Viết đến đây, tôi sực nhớ đến một cuốn tiểu-thuyết của nữ-sĩ Pearl Buck. Trong cuốn « *The Mother* » (La mère), bà đã kể lại truyện thương - tâm của một người đàn - bà nhà quê trung-hoa, nghèo hèn nhưng đảm-đang, tuy chồng bỏ, nhưng cũng cô tần-tảo để nuôi ba con với mẹ chồng. Đứa con út, theo cộng-sản, phải bỏ mình trên đoạn-đầu-đài. Đứa con gái, mù, lấy chồng trong một nơi rừng rú nào đấy. Bà mẹ lo lắng vì không nhận được tin con gái, khi tìm được đến nơi thì con đang hấp hối. Tuy vậy, người trưởng nam bà ta vừa có con trai : đứa cháu đến làm cho những ngày tàn của bà đỡ sầu khổ . . . Nếu ông Trần-Tiêu có đọc qua cuốn truyện này, tất nhận thấy không có chỗ nào dài dòng, không có những đoạn tả cảnh vô ích.

Tôi cũng đã được đọc một truyện tương tự như vậy của một văn sĩ nước Bảo (Bulgarie) tên là Boris Sivachev. Truyện như thế này : Bôi - Ca là một thiếu nữ xinh nhất làng, mà lại lấy phải một anh chồng rượu chè be bét ; một đêm kia, chồng say rượu bị xe cán chết. Thân góa bụa phải tần tảo nuôi bốn đứa con thơ cho đến lúc chúng nó khôn lớn lên. Đứa con gái lớn đỗ, ra làm cô giáo, lấy chồng, được một mụn con gái. Con trai thứ nhất cũng làm ông giáo ; con trai thứ hai đi ngoại-quốc học y-khoa ; con trai thứ ba đang ở trường trung - học, thông minh hơn hai anh nhiều lắm. Thế rồi, một ngày kia, người

(1) *Đời Nay xuất bản, giá 0$80.*
(2) *Nước Nam 14-12-1940.*

mẹ được tin con trai thứ hai của bà chết ở ngoại-quốc : Một lần khóc ! Chiến-tranh xảy ra ; con trai cả đi lính chết trận : Hai lần khóc ! Con trai thứ ba vì có tư-tưởng quá khích bị hắt tình nghi, bị đanh đến nỗi về đến nhà thổ ra huyết mà chết : Ba lần khóc ! Con gái cũng lại chết nốt : Bốn lần khóc ! Nhưng đứa cháu gái đã học đỗ cô giáo. Bà cụ đến ở với cháu ngoại. Chợt có bệnh thời khí. Cô cháu lại chết nốt. Đấy : Cả một đời đau đớn của người làm vợ, làm mẹ, làm bà.

Ông Trần-Tiêu có biết cuốn truyện lâm-ly thống-thiết ấy dày như thế nào không ? Xin thưa : Đó chỉ là một truyện ngắn, chép ra chỉ độ năm trang giấy. Năm trang giấy mà tả suốt cả một đời người từ lúc trẻ thơ cho đến khi đầu bạc. Dòng dòng cảm-động, lời lời thiết-tha. Tác-giả nếu không phải là một nhà tiểu-thuyết có biệt-tài chắc không sao làm nổi.

Tôi nhắc đến hai nhà văn ngoại-quốc trên đây để tỏ rằng cái « dài dòng văn-tự » không cần lắm cho giá-trị một cuốn sách.

●

Những trang đặc-sắc nhất trong «Chồng con» là ở phần thứ nhất. Tác-giả tả rất khéo nhưng nỗi lo-âu của người đàn-bà muốn con, kêu cầu lễ-bái đền này, phủ khác, mong ngày mong đêm cho cái bụng « phồng phồng » lên mà không được. Cảm-động nhất là lúc bà cụ già đang ốm nặng gần đất xa trời mà được tin nàng dâu đẻ cháu trai thì ngồi nhỏm ngay dậy, nhìn cháu và cười sung sướng trước khi thở hơi cuối cùng. Thật là hình-ảnh nghìn năm của người đàn bà việt-nam, chỉ mong có mụn cháu trai « nối dõi tông-đường » tuy đã có mấy đứa cháu gái.

Trong phần thứ hai có chỗ này hơi giống một truyện khác của Mạnh-phú-Tư. Đấy là chuyện « làm lễ » của con gái lớn bà lý Bồng : Cũng cảnh cha chú muốn cho con cháu lấy lễ những kẻ giàu sang danh-giá để mong có chỗ nhờ. Vả cũng cảnh đám cưới thiếu chú rể vì hắn không thèm đến đón dâu, nhất là cô dâu là vợ lẽ. Tuy vậy, những chỗ giống nhau này chỉ là một phần nhỏ của cuốn sách ; không thể vin vào đấy mà bảo rằng Trần Tiêu đã phỏng theo Mạnh-phú-Tư.

Theo ý tôi, nếu tác giả đừng tham-lam nhưng cho cuốn tiểu-thuyết dừng lại cái chết của bà cụ mẹ chồng, nghĩa là sau khi hết phần thứ nhất, thì hay biết bao ! Không kể chương bẩy hơi dài giòng thì phần thứ nhất là cuốn tiểu-thuyết bất-hủ của người đàn-bà việt-nam, của người vợ tám chín năm không sinh đẻ, chỉ cầu giời khấn phật cho có mụn con, bất cứ con trai hay con gái, của bà cụ già thèm thuồng một mụn cháu trai trước khi chết. Đấy là những trang tuyệt-mỹ. Giá có người đem dịch ra pháp-văn, tôi tưởng, cũng không đến nỗi hổ-thẹn với làng văn ngoại-quốc.

Phần thứ hai chẳng thêm được cái gì « hay ho » lắm, ngoài cái đại-ý : tả những cảnh « khổ vì con » Ở đây, không còn cái gì là « bất-hủ » nữa. Một đứa con gái lớn lấy lễ một ông nghị rồi bỏ đi theo trai, một đứa con gái nhỏ chết trong một cái quán bên đường : bấy nhiêu cái làm cho người mẹ đau khổ thật, nhưng cũng chẳng có gì đặc-sắc lắm, cũng chẳng làm tăng giá-trị cho phần thứ nhất.

Phần thứ nhất có những bức tranh linh-động, có những nhân-ảnh bất-diệt, có một cái gì « vĩnh-viễn » của tâm-hồn nam-việt. Phần thứ hai chỉ là một cuốn truyện thường.

●

Về cách hành-văn, ngoài « tội » rườm-rà lắm nhời, tác-giả còn có một vài lỗi nhỏ về sự dùng chữ sai : « thời-buổi nào *kim-cương* ấy » (tr. 87), « những *tuyết* rằm mong mọi » (tr. 99). Chữ « tuyết » này, tác-giả lập đi lập lại nhiều lần lắm. Tác-giả lại cho một cô dâu nhà quê nói với một ông lý câu « đặc tả » này : « *Luồng gió may-mắn nào đưa anh đến đây ?* » (tr. 107).

Dù sao, tôi cũng thành-thực khen ông Trần Tiêu đã cho ta một cuốn sách đặc-sắc tuy chưa được hoàn-toàn cho lắm

Nhân Nghĩa

CÁC BẠN NÊN ĐỌC

đời tài hoa

Tập lịch-sử ly kỳ nhất của cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh
bạn đồng bệnh của ông Cao - Bá - Quát
do ông NGUYỄN - VĂN - BỀ *soạn*
ông DƯƠNG - TỰ - QUÁN *duyệt*

Trong sách chia làm 5 mục. *lịch sử cụ, tác-phẩm cụ, chuyện cụ với ông Cao Bá Quát, ông Tùng-Thiện - vương với cụ, cụ với các bà chúa Thường-Sơn Lại Đức* Dưới sách in tự tích cụ, có lẫn chữ ông Cao-Bá Quát, ông Tung-Thiện-Vương

Giá 0p 35 — Bán ở hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông Hanoi
(mua 1 quyển giả bằng tem cũng được, nhớ thêm tiền cước thường 0p 06)

NGUYỄN-HOÀNG-ĐỨC
(1748—1819)

I

TRÊN con đường Saigon đi Mytho qua tỉnh-lỵ Tân-an độ hơn 3 cây số, có một đường nhỏ rẽ sang phía tay phải, góc đầu đường có một tấm bảng lớn kẻ cái tên chỉ dưới giòng chữ lớn :
« *Tombeau du Maréchal Duc* »

Khiến cho người khảo-sát, khách du-quan phải dừng chân lại ngẫm-nghĩ bồi-hồi. Cứ nhìn theo từ tấm bảng cho tới khóm dừa xanh um ở trong làng cuối đường thì thấy làng Khánh-hậu, là quê-hương của một hồ-tướng khai-quốc công-thần nhà Nguyễn: Nguyễn-hoàng-Đức. Lăng và nhà thờ ở cả trong làng này.

Vào đầu làng thì đến ngay nhà thờ ông, cách chừng 100 thước nữa mới tới lăng. Nhà thờ ông đây chính là nhà của ông ở từ khi chưa ra phò vua Nguyễn : mái lợp ngói, chung quanh tường bằng ván, ở giữa một cái vườn rộng trồng cau và dừa.

Ngay cửa vào gian giữa có cái hương-án trên có chân dung ông mặc phẩm phục võ quan có đề phẩm tước ông. Sau hương-án, nghĩa là ở giữa nhà thờ, có một bộ ván dày và lớn tức là bộ ghế ngựa khi sinh-tiền ông hay ngồi mát. Trên bộ ngựa, bày la-liệt khám cùng ngai và bài vị đề chữ tự xưa hãy còn cùng các đồ dùng của ông trước như gối, tráp, quạt, hòm sắc. Phía trên có bức hoành ba chữ lớn : « Vạn lý danh ». Ở nhà thờ và ngoài lăng còn có rất nhiều câu đối, xin lược thuật ra sau này :

I — Bắc Nam tam tổng-trấn, vạn lý bình quyền ;
Tiền hậu lưỡng tướng-quân, lục sự soái lệnh.
II — Hoàng thiên tri nghĩa liệt, hậu tương tước xỉ đáp thành thần :
Bạch nhật quản tinh trung, phân phó thần-minh phù phúc tướng.
III — Thất thập hữu nhị thu, trung hiếu nhất sinh thụ lập ;
Cửu nguyệt trùng dương nhật, thọ ninh ngũ phúc thủy chung.
IV — Trung nghĩa cương thường, long hổ phong vân đình hội ;
Anh hùng mi mục, Tiêm, Miên, Lao, Man tri danh.

Ngoài cửa nhà thờ, cách một cái sân nhỏ lại còn có một cái tiểu-đình trong đề cái đòn võng của ông khi xưa và một lá cờ đuôi nheo phai cả màu-sắc.

Nguyễn-hoàng-Đức sinh năm Mậu-thìn 1748) tại Gò ông Cái-éo (tỉnh Định-tường) thuộc làng Trường-khánh, huyện Kiến-hưng. Nay làng Trường-khánh thuộc về tổng Long-hưng, tỉnh Tân-an hợp lại với làng Nhân-hậu nên gọi là Khánh-hậu.

Hoàng-Đức vốn là dòng-dõi quan đời nhà Lê : cha là Hoàng-công-Lương, ông nội là Hoàng-công-Chu đều là quan thủy-sư triều nhà Lê Ông tên là Hoàng-công Đức, vì có công nên được ban quốc-tính (họ nhà vua) là Nguyễn

Năm Canh-tý (1780), trong khi còn nhà Tây-sơn chúa Nguyễn-phúc-Ánh (1) xưng vương-hiệu ở Gia-định, thì Hoàng-Đức mới ngoài 30 tuổi.

Hoàng-Đức vốn là thuộc-tướng của Đỗ-thanh-Nhân. Sau khi Nhân đã bị tội chết, Đức lại theo về với Nguyễn-vương, được phong làm chức Tiền-quân để đi đánh quân địch.

Tháng 3 năm Nhâm-dần (1782) Tây-sơn biết tin Đỗ-thanh-Nhân đã chết rồi, bèn vào đánh Gia-định. Nguyễn-vương chạy ra Tam-Phụ. Nguyễn-hoàng-Đức cùng Trần-xuân-Trạch và Nguyễn kim Phẩm với 300 quân theo đi để cự chiến. Khi Tây-sơn đã kéo đến gần, quân Nguyễn đánh phá được và đuổi mãi đến Trấn-định. Hoàng-Đức làm Tiền-phong, Tôn-thất Cốc làm Trung-quân tiến đến đóng ở sông Tứ-Kỳ.

Nguyễn-văn-Huệ dàn quân bày trận trên bờ sông lại đánh kịch-liệt. Quân Nguyễn phải lui Ngựa của Nguyễn-vương sa phải bùn lầy. Hoàng-Đức vực vua Nguyễn lên bờ, rồi trở xuống ghé vai vào cổ ngựa xốc được cả ngựa lên ; nhưng ngựa vẫn chưa chịu chạy, ông phải nắm tay đấm ngựa, nó đau quá, bấy giờ mới lồng lên chạy. Vì thế nên Tây sơn đuổi không kịp.

Đến đêm sau, chúa tôi lại phải đi đường thủy. Thình-lình quân chèo thuyền báo phía trước có buồm của thuyền địch tiến đến rất nhiều, nhà vua đã toan nhảy lên bờ, thì Hoàng-Đức cau lại mà tâu rằng : « Khúc sông này có nhiều cá sấu, xin hãy để xem hư thực ra làm sao đã » Sau thuyền tới gần, nhìn ra thì chỉ là một đàn cò trắng ngủ trên một cây.

Thuyền thì chật hẹp ; nhà vua thì mỏi-mệt lắm, phải nằm gối đầu vào đùi Hoàng-Đức mà ngủ. Đức ngồi suốt đêm, phẩy muỗi cho vua ngủ ngon giấc và coi-sóc quân-lính chứ không dám ngủ.

(1) *Tức là Vua Gia-Long sau này.*

Năm Quý-mão (1783), trận đánh ở Đồng-tuyên, Hoàng-Đức đã 36 tuổi, cùng với 500 quân đều bị Tây-sơn bắt được. Nguyễn-văn-Huệ vẫn biết và mến Đức là một tướng tài, nên muốn lưu lại để dùng chứ không nỡ giết. Song Đức vẫn muốn trốn đi chứ không muốn hàng phục.

Một đêm, ngủ trong trướng, mơ-màng, Đức quát mắng Huệ thậm tệ. Song Huệ cho là ngủ say, nói mê, đã không giết chết, lại còn tặng cho châu báu để mua chuộc. Dù được Tây-sơn hậu đãi như thế, Hoàng-Đức vẫn không truyền lòng chút nào cả. Đến năm Bính-ngọ (1786), Nguyễn-văn-Huệ đem quân ra đánh Bắc-thành, sợ nếu để Hoàng Đức ở lại thì Đức sẽ trốn đi, tìm về với chúa Nguyễn, nên cũng đem cả Hoàng-Đức đi theo. Đến lúc về thì lưu Hoàng-Đức ở lại Nghệ-an.

Tướng của Nguyễn-văn-Nhạc là Nguyễn-văn-Duệ, trấn thủ Nghệ-an, không muốn làm tôi Huệ. Hoàng-Đức biết ý ấy, nên nói lừa rằng: « Chúng ta nên đem binh lẻn đi đường rừng, vào Qui-nhơn để hội với vua Thái-đức » (Nguyễn Văn-Nhạc). Duệ tưởng thực, lập tức đem hơn 500 bộ binh, theo đường rừng núi vô Nam và cho Đức đem quân bản bộ vào trước. Đi được hơn 10 ngày, Đức cho người đến bảo Duệ rằng: « Tôi, ai vì chúa nấy. Đức không bao giờ quên chúa cũ cũng như tướng quân không quên chúa Tây-sơn, vả lại chúa cũ của tôi mới thật là chân mạng thiên-tử, tướng quân nếu muốn bỏ nơi tối, tìm đến nơi sáng, thì cũng nên đi theo với tôi để lập lấy công danh. Nếu không muốn thế thì thôi, tôi xin từ biệt mà đi đây...»

Đã bị đánh lừa, lại thấy nói thế, Duệ tức lắm, bèn cho đưa lệnh-tiễn đến nơi Đức mà nói lừa lại rằng: « Ông nói hợp ý tôi lắm, song hãy chờ tôi đến, rồi ta sẽ cùng đi một thể. »

Đức biết ý Duệ lừa lại mình, sợ đi chậm thì sẽ bị bắt lại, bèn noi theo châu Lạc-hoàn, tắt sang đất Vạn-tượng (tức là Vientiane), đi sang nước Tiêm-la, tìm vua Nguyễn.

Đường đi quanh queo vất vả, quân sĩ hết cả lương thực, phải hái lá cây, củ chuối trong rừng mà ăn. Trong lúc quân đang đói, bỗng thấy trong rừng có một cây to, trên có đến vạn chim nằm ngủ, quân sĩ trèo lên bắt, thì té ra lá cây hóa hình chim : hai cái cánh thì là lá, duy chỉ đầu và thân thì dính vào cành. Ăn ngon lắm. Các mường mán trong rừng núi vẫn được nghe tiếng Hoàng-Đức, nên đem cơm gạo ra tiễn rất nhiều. Nhờ thế, Hoàng-Đức mới sang được đến đất Xiêm.

Thời bấy giờ trong Nam có mấy câu hát khen Hoàng-Đức :

Ngậm-ngùi thay, tôi trung-liệt
Giữ một tiết ngay ở cùng chúa
Vẹn toàn câu chung thủy!
Đứng ngàn xưa ước có mấy ai!

(còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

Các vị đã giả tiền báo

(Tiếp theo số trước)

Ô. Thăng Bình Cao lãnh	6 p.	00
Vũ xuân Loan Vientiane	5,	50
Dương kim Hải Bắc liêu	5,	50
Ng. trọng Vinh Boneng	3,	00
Bùi mộng Lân Haiphòng	3,	00
Ng. văn Hoài Bentrè	3,	00
Ng. đăng Sung Xieng-khuong	2,	80
Trần Từ Cana	2,	00
Phạm văn Vinh Hanoi	1,	50
Lê văn Thuyết —	1,	50
Khoát Hải —	1,	50
Ng. văn Linh —	1,	50
Trần duy Diên —	1,	50
Ng. văn Hòe —	1,	50
Ký Nhã —	1,	50
Ng. đức Hinh Phú thọ	1,	50
On Thủ dầu Một	1,	50
Ng văn Sáu Gocông	2,	80
Trịnh hữu Ngọ Camphamine	2,	80
Trương trung Ngọc phố Bình gia	1,	50
Président Amicale Paksé	2,	80
Lê văn Chanh —	2,	80
Huỳnh văn Huy Pnom-Penh	5,	50
Lê văn Minh Xieng-khuong	2,	80
Trường Xuân Pnom-penh	5,	22
Lê văn Thơm Saigon	5,	50
Trần văn Hanh Pnom-penh	1,	50
Ng. mạnh Bảo Saigon	1,	50
Ng. hữu Hy Kampot	2,	80
Ng. thành Đàm Saigon	23,	09
Ng. phi Chúc Hatinh	1,	50
Ng. thượng Đài Long-xuyên	1,	50

(Còn nữa)

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.32

Một chuyện lạ

(Tiếp theo trang 4)

Cuộc công-cán của De Mayrena cũng nhờ các cố giúp sức nhiều lắm. Khởi-hành từ tháng Avril năm 1888 ở tỉnh Qui-nhơn, De Mayrena đứng đầu một phái-bộ gồm có 20 tên lính dũng Sài-gòn, một trăm tên vừa phu khuân-vác vừa người thông-ngôn. Lại đem theo một người nhân-tình bản-xứ, và một người pháp nữa tên là Mercurol, nhưng người này đi được nửa đường thì trở lại.

Chẳng bao lâu, phái bộ đi đến những làng mọi đầu tiên, De Mayrena xin kỳ với những tù-trưởng họ những điều-ước giao-hảo. Đã có nhà giòng chỉ-dẫn, ông thông-báo cho các tù-trưởng công việc sứ-mệnh của ông rằng ý ông muốn họp cả các bộ-lạc dân mọi lại dưới quyền ông để nhờ nước Pháp bảo-hộ, mà cùng phải cam-đoan rằng từ nay đình-chỉ việc tranh-cạnh trong các bộ-lạc họ.

Ông tiến mãi vào nội-địa xứ mọi, vượt qua cả những thung-lũng mà trước kia đã có những cuộc thám-hiểm trải tới. Không ngờ dân mọi, đâu cũng hoan nghênh ông, ông liền bố cáo lên rằng mục-đích của ông là đến để bênh-vực dân mọi, chống lại với người nam và người xiêm. Thành ra ông được lòng tin cậy khắp trong các dân mọi.

Thâm ý của ông là định tự lập riêng một triều-đình của ông ở xứ mọi.

Một nhà truyền-giáo đi theo ông về có kể chuyện rằng: Dân mọi thường thích nghe tiếng súng nổ, cầu khẩn ông bắn luôn cho họ xem. Thấy ông bắn nhằm đích, họ lấy làm phục lắm.

Đến tháng Juin năm ấy, ông tổ-chức một chính-thể quốc-gia lập-hiến, gọi là « nước Sê-đăng », có đủ các tù trưởng các bộ-lạc ký kết.

Đến tháng Juillet, ông lại lập một hiến-chương mới, có 15 khoản như sau này:

Khoản 1 — Tất cả những địa-hạt của các bộ-lạc đã giao ước với nhau, từ nay họp thành một nước

Khoản 2 — Địa-hạt của dân Sê-đăng rộng hơn hết, nên lấy quốc-hiệu là « Nước Sê-đăng »

Khoản 3 — Ông De Mayrena đã được bầu lên làm vua xứ Sê-đăng, thì từ nay được tôn lên làm Đại-đầu-vương.

Khoản 4 — Vua có quyền lập kế-tự. Nếu không có đích-kế, vua có thể lập tự trong tôn-thân. Con trai trưởng vua gọi là Xô-đăng (tức như thái-tử). Các tộc-thuộc, tùy nơi, đều gọi là hoàng-tộc.

Khoản 5 — Quốc kỳ thì dùng màu lam, có chữ « thập » trắng với ngôi sao đỏ ở giữa.

Khoản 6 — Vua có quyền-hành tuyệt-đối: Cai-quản tất cả các tù-trưởng văn-võ trong nước và phân-xử những việc bất-bình khi các tù-trưởng không phân-xử xong.

Khoản 7 — Vua có quyền định-đoạt sự chiến hay sự hòa trong buổi hội-đồng.

Khoản 8 — Vua tự đem quân đi chinh-chiến hay cử người đi thay ngài cũng được.

Khoản 9 — Những thổ-địa nào mà chưa có dân ở, là đất của vua, chỉ có vua mới có quyền xử-trị

Những đất trong các làng không thể cho hay bán lại cho ai mà không có vua ưng-thuận. Nếu vua không cho phép, sự bán hay sự cho sẽ vô hiệu. Dân làng nào cũng có thể được hưởng dụng tất cả những đất-đai mà họ đã trồng-trọt theo sự cần dùng của họ. Nhưng, những đất hoang phải trả lại vua. Nếu vua muốn lấy đất của làng nào, phải báo cho xã trưởng làng ấy mà phải bồi thường một cách công-bằng.

Khoản 10 — Dân các làng phải chọn lấy xã-trưởng để trông-nom về việc nội-trị và việc tuần-phòng. Danh sách những xã-trưởng này sẽ đệ lên vua để được trao cho dấu-hiệu quyền chức. Còn những chức-vị phẩm-trật về văn-ban hay võ-ban, chỉ duy có vua là đấng chủ-tể mới ban cho được thôi.

Khoản 11 — Cấm trong nước từ nay sự hy-sinh thân-thể không được có nữa. Bãi việc nô-lệ, cấm dân Sê-đăng không được đem bán người. Kẻ nào phạm phải, sẽ phải đem nộp cho vua, vua sẽ bắt làm việc công-tác cho nước.

Khoản 12 — Các tôn-giáo được tự-do truyền giảng trong nước Sê-đăng, duy có đạo Gia-tô được nhận là quốc-giáo.

Đối với vua, hay với sứ-mệnh của ngài, thì lệ « riêng » (tức là tục cấm vào trong làng) không được thi-hành nữa. Dù có chứng cớ gì mặc dầu, đã có lệnh của vua, thì lệ « riêng » phải bỏ.

Khoản 13 — Ngoài hội-đồng toàn hạt, có mặt các tù trưởng bên văn và bên võ, vua lại đặt thêm một hội-đồng tư-vấn, để trông-nom các việc thường.

Khoản 14 — Phàm những tráng-đinh nào có thể mang nổi được binh khí đều là lính hết. Khi có việc chiến-tranh xảy ra, vua có thể hiệu-triệu số lính cần-thiết bao nhiêu cũng được. Ngoài đạo quân này, mỗi năm, mỗi làng phải cung 4 tên tráng-đinh cho vua để sung vào đội hộ-vệ.

Khoản 15 — Những sự sửa đổi mới vào hiến-chương này phải có vua cùng với hội-đồng toàn hạt định mới được, không thì vô hiệu.

(Còn một kỳ nữa)

Liên-Giang

Tri-Tân ở trong Nam

Bản chí đã nhờ được cô GIAO-ANH đi cổ động trong Lục-tỉnh. Mong các bạn đọc vui lòng giúp cô ấy để làm tròn phận sự. Bản chí xin cảm ơn lắm.

Tri - Tân

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 10

MỘT tháng sau, Mạc Mậu-Hợp giở về Thang-Long, sai Trần Bách-Niên đem đại-quan vào đánh Văn-Khuê : Khi-thế rất mạnh, cả thủy bộ đều tiến. Văn Khuê với Bạch y nương giao-chiến một trận đầu cùng đội tiên-phong quân Mạc, bắn giết được nh ều, nhưng quân địch vẫn cuồn cuộn tiến. Hai vợ chồng thấy thế núng, và nếu để quân Lê cùng tiến đánh, thì thế rất nguy, bèn quyết kế về Lê. Van-Khuê sai con Văn-Nguyên đem hàng thư thẳng vào Thanh-hóa xin cứu viện Trịnh-Tùng xem xong thư cả mừng, vỗ vế nói rằng :

— Van Khuê về hàng, thật giời cho ta chóng thành công đấy. Đất đai của Bản-triều có thể hẹn ngày lấy lại hết được !

Lập tức Trịnh-Tùng sai Hoàng-đình-Ái đem thủy-quân tiến trước. Lai quận-công Phạm văn - Khoái đem quân bộ ra sau. Hoàng đình-Ái tiến quân đến làng Bái-đình (thuộc huyện Gia-viễn). Văn - Khuê đem quân ra nghênh tiếp. Đình-Ái cùng Văn-Khuê hợp lực lại tiến lấy Điềm-giang (thuộc làng Điềm - xá, Gia-viễn). Quân Mạc ào-ào lui giữ sông Thiên-phái (sông con chảy qua huyện Ý-yên đổ ra sông Đáy).

Mấy hôm sau Trịnh-Tùng đem đại-quân ra đến Trường-yên. Văn-Khuê thân lại yết-kiến, khóc kể tâm sự mình Trịnh Tùng ủy-lạo, rồi cho đem quân đi tiền-đội. Đại-quân qua bến đò Hoàng-xá (Gia-viễn) tiến lên đến Kốm-trống và Bồng-lạng (thuộc Thanh-liêm, Hà-nam) đóng dinh trại. Bên tả-ngạn sông Đáy, quân Mạc đóng ở bến đò Đoan-vĩ (Thanh-liêm). Nửa đêm, Tùng sai Văn-Khuê từ trên Bồng-lạng cho quân sang đò, đổ bộ bên tả-ngan. Rồi ở dưới Hoàng-xá tiến lên, ở Bồng lạng ùa xuống, quân bộ siên vào, trên dưới đánh giáp lá cà. quân Mạc rối loạn, vỡ chạy cả. Đại tướng Trần Bách-Niên đem quân đến cửa quân xin hàng.

●

Tháng mười. Trịnh-Tùng và Bùi văn-Khuê lại tiến đánh Thăng-long. Mậu-Hợp bỏ chạy sang Kim-thành (Kinh-bắc), lập con là Đồng lên làm vua, đổi niên-hiệu là Vũ-Thành, tự mình ra đốc quân chống giữ.

Trịnh-Tùng tiến quân đánh Hải-dương, phá vỡ quân Mạc Kinh-Chỉ ở Thanh - hà. Qua những phủ Hạ-hồng, Nam-sách, Kinh-môn : nhà cửa đồ ngổn-ngang, dân-gian bỏ chạy tán loạn. Quân tiến xuống Vĩnh-lại, đóng ở Ninh-giang. Lũ bầy tôi nhà Mạc là Đỗ-Uông, Đồng-Hãng, Đàm văn-Tiết cả thảy mười bảy người đều đem quân đến cửa viên xin hàng phục.

Bộ-quân của Lai quận-công Phạm văn-Khoái tiến đánh Kinh-bắc, lấy được mấy huyện Võ-giang, An-dũng, đuổi Mạc mậu-Hợp qua sông. Mậu-Hợp bỏ thuyền, lên cạn, chạy trốn vào chùa Phượng-Nhỡn, đại quân đến nơi, dân làng hướng dẫn vào chùa bắt được Mậu-Hợp, trói vào sau voi, đem về Thăng-long, bêu sống ba ngày, rồi đem chém ở bến Bồ-đề. Trịnh Tùng sai mang đầu Mậu-Hợp vào nơi hành tại ở Thanh-hóa để dâng vua Lê. Lại đem đóng đanh vào hai mắt Mậu-Hợp.

Ấy là v ệc khoảng tháng chạp năm Nhâm-thìn.

Qua tháng Giêng năm sau (Quý-tỵ, 1594), Trịnh Tùng và Văn-Khuê tiến đánh Mạc-kính-Chỉ ở Thanh-lâm (Hai - dương) : bốn mặt giáp đánh, bắt được Mạc-kính-Thành, Mạc Lý-Hựu ở Đông-triều, đuổi kịp lũ Mạc kính-Chỉ ở làng Tân-manh (thuộc huyện Hoành-bồ, Quảng-yên) bắt tất cả văn vũ liêu thuộc hơn 60 người, đem về Thăng-long giết cả Đầu Kính-chỉ đem vào Thanh-hóa.

Họ Mạc mất. Những người giòng-giõi họ Mạc tản-mát ở các nơi đều phải đổi ra Hoàng, Phạm, Đặng, vân vân.

Chỉ còn bọn Mạc kính-Cung chạy lên Cao-bằng, nhờ được vua nhà Minh bên Tàu che-chở, giữ vững được ba đời. Mãi đến năm Đinh-mùi, niên hiệu Cảnh-trị thứ năm, đời vua Lê Huyền Tôn (1666), Đinh Văn-Tả mới đánh tan được Mạc Kinh-Vũ ở Cao-bằng.

PHẦN THỨ BA

I

Năm Kỷ - hợi (1599) niên - hiệu Quang-hưng thứ hai mươi hai, triều vua Lê Thế-Tôn. Trịnh Tùng tự tôn là Đô nguyên-súy, Tổng quốc chính Thượng-phụ An-bình vương, lập phủ chúa ở phía Nam thành Thăng-Long, xây dựng lâu-đài nguy-nga hơn cung-điện nhà vua. Trịnh tự xưng là chúa, giữ hết quyền chính-trị, đem cả trăm quan về bên phủ. Vua Lê chỉ còn có hư-vị, được thu thuế một nghìn xã để làm lộc dưỡng thân, có một ít voi ngựa và quân thị-vệ, còn việc nhớn nhỏ đều về tay chúa cả.

Mùa thu năm ấy, cung điện phủ chúa hoàn-thành, Trịnh-Tùng đặt tiệc mừng trăm quan. Từ nhị-phẩm trở lên, được mời cả vợ cùng đi vào mừng chúa. Bùi-văn-Khuê khi ấy được phong Mỹ - quận - công, tước hàm vào bậc nhất, nên Bạch-y-Nương cũng phải vui vẻ, cùng nhau vào phủ.

Bạch-y-Nương, với vẻ đẹp thiên nhiên tuyệt thế, vẫn là một cái đích để nhận bao cái nhìn say đắm của bạn mày râu. Các quan đều đổ dồn con mắt vào nàng. Trịnh-Tùng

thân xuống thềm dẫn vợ chồng nàng lên lầu. Trong lầu Kiến minh rộng ba mươi gian, bày nguyên phương-kỷ. Các khách mời ngồi riêng hai phái: bên tả, các quan cao-cấp ở triều và ở các trấn; bên hữu, các phu-nhân cùng vương-phi và các thứ-phi trong phủ chúa.

Một cuộc họp mặt rất vui vẻ. Các thị-nữ bên phủ mơn mởn trong bộ áo hồng nhạt, thắt đai xanh, luôn luôn lách qua hàng ghế, dâng giầu nước. Từng hộp giầu sơn đỏ cứ truyền tay nhau, óng ánh hợp tia sáng vào các nét thêu trên áo của các quan, làm cho người ta tưởng tượng đến muôn nghìn đạo hào quang đua sáng... Các quan ngồi nói chuyện rất thân mật...

Hết hai tuần giầu nước, tiệc rượu bưng lên. Trịnh-Tùng thân đi từng mâm một, niềm-nở rót rượu mời quan khách. Mỗi lúc ngửng đầu lên, ông lại không quên nhìn trộm Bạch-y-Nương đang nói chuyện với bà phi. Ông ngắm-nghía, ông so sánh: Thật là tuyệt thế giai nhân, khắp vương-phủ, không một người nào bì kịp. Ông nghĩ bụng rằng mình đã có công tìm kiếm khắp mọi nơi mà sao không đâu được người như vậy! Trần gian này, thật khó thấy người thứ hai!

Mời hết lượt các quan rồi, Trịnh Tùng sang mời phía các phu-nhân. Ông tỏ vẻ vồn vã săn-sóc Bạch-y-Nương hơn hết. Ông hỏi chuyện liên-miên về văn-chương, về võ-nghệ, về phong-cảnh, về đời người. Câu nói nào của nàng, ông cũng tỏ ý bằng lòng, thích chí, hết mực ngợi khen...

Rượu đã ngà-ngà, các quan không còn giữ lễ mấy, dần dần đã ồn-ào to tiếng. Họ tranh cãi trong những câu chuyện về việc đời, về binh pháp, về chiến lược, về lẽ bĩ thái ở giời đất, về sự hưng, vong từng thời đại. Sau cùng họ nói về hạnh-phúc đời người.

Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng nói:

Xin mạn phép Chúa Thượng, tôi hỏi các bạn đồng liêu đây: Đời người thế nào là sung-sướng nhất?

Nhiều người nhao nhao nói:

Ở đời này sung-sướng nhất Hoàng-Thượng, rồi đến Chúa-Thượng: Hoàng-Thượng làm vua cả muôn dân; Chúa-Thương cai-trị cả một nước.

Có người siềm nịnh nói:

— Tôi tin Chúa-Thượng còn sung sướng hơn Hoàng-Thượng. Vì Chúa cầm cả quyền-chính trong tay, thưởng kẻ ngay, trị kẻ gian, làm lợi cho thần dân thiên hạ.

Văn Khuê nói:

— Tôi thì không nghĩ thế. Quyền chính và sung-sướng hai đằng khác nhau. Chúa-Thượng đã là bậc vương-giả, cái trọng-trách càng lớn lao, thì lúc nào cũng luôn phải bận rộn nghĩ ngợi thì còn đâu là sung-sướng? Theo ý tôi, chỉ những nhà điền-chủ có dư ruộng cấy trâu cày, với ít nhiều tôi tớ trong nhà, sớm tối ung-dung nơi đồng áng hay cạnh cảnh núi rừng, quan bất cần dân bất nhiễu, như thế thật là sung-sướng.

Nguyễn-Hoàng giơ hai tay, hớn-hở nói:

— Tôi cũng đồng một ý như Mỹ quận-công. Trên Chúa-thượng và dưới bon ta đây, đều phải lo-lắng về chức-phận cả, có khi suốt đêm không ngủ được. Chỉ có bác nông-phu nơi thôn-ổ là vô tư-lự, sung-sướng nhất thôi!

Trịnh-Tùng từ nãy chăm-chú đến câu chuyện của mọi người, giờ mới xen vào, đâu đấy đều im thít. Tùng nói:

— Kể bàn về sung-sương thì vô cùng. Kẻ được thế này lại mong thế khác. Nhưng riêng ý tôi, tôi cho Mỹ-quận-công là sung-sướng hơn cả!..

Bạch-y-nương giật mình, ngoảnh lại nhìn chồng và Trịnh Tùng, nàng sợ chồng đã nói gì thất thố, làm phật ý Chúa-thượng chăng! Nhưng không, Trịnh-Tùng vẫn tươi-cười vui-vẻ, liếc nhìn Bạch-y nương rồi nói:

— Không, Mỹ-quận công và phu nhân đừng ngại, tôi nói thực tình đấy. Một bậc tài cao học rộng như Mỹ-quận công, được sánh vai với một bậc kỳ-nữ như phu-nhân, văn hay, võ giỏi hơn người, lại có một sắc đẹp huyền-ảo đắm say riêng của những bậc thần-tiên, chứ cõi đời này không bao giờ có, như thế, tôi tưởng, không còn gì sung-sướng bằng!

(Còn nữa)

SẮP CÓ BÁN

NGƯỜI LỊCH THIỆP

Đặc-san của

QUỐC-HỌC THƯ-XÁ

Một cuốn sách không ai bỏ qua được.

Một cuốn sách mà ai cũng phải có ở đầu giường.

Một cuốn sách mà ai cũng ưa đọc.

Dày trên dưới 150 trang, bìa hai màu, in mỹ-thuật, giá 0p.55

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN TỪ ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh chuyện s tử Việt-Hán

Dầy độ 300 trang

Giá 1p.40

BÁN GẦN HẾT

QUỐC SỬ ĐÍNH NGOA

Được dư-luận báo-chí hoan-nghênh nhiệt-liệt

Giá 0p.50

Thư và mandat đề M LÊ-VĂN-HÒE

16 bis Rue Tiên-Tsin Hanoi

«Phàm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ,
Hết tiền tiêu, tráng sĩ cũng nằm co!
Chẳng khôn ngoan, cũng chẳng thân sơ,
Có hơi kẽm mới tha hồ ngang ngửa...»

Mấy câu trên này của cụ Nguyễn-Công-Trứ thực chí lý lắm thay!!! Nhưng lúc này kiếm được ra tiền khó quá,

Có dễ chăng?

Chỉ bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

May ra trúng hàng vạn chưa biết chừng!

CÁC BẠN THỬ' MUA XEM!

Imp. spéciale du Tri Tân Administrateur-gérant Dương-Tự-Quán